



Đào tạo về an toàn **119**

119 안전교육

Vui lòng cho biết địa chỉ của quý vị khi gọi 119.

Địa chỉ tên phố nơi tôi ở _____



소방청
National Fire Agency **119**

CONTENTS

| | | |
|----|-----------|-------------------------|
| 01 | 공통 | 위급할 땐 119에 신고해요 |
| 02 | 화재 안전 ① | 불이 나면 대피해요 |
| 03 | 화재 안전 ② | 소화기 사용법을 알아보아요 |
| 04 | 화재 안전 ③ | 점검하는 습관으로 화재를 예방해요 |
| 05 | 생활 안전 ① | 기본을 지키면 모두가 안전해요 |
| 06 | 생활 안전 ② | 안전장비가 근로자의 안전을 지켜줘요 |
| 07 | 생활 안전 ③ | 산업 현장 안전사고의 예방수칙을 알아보아요 |
| 08 | 생활 안전 ④ | 농기구 안전사고 예방수칙을 알아보아요 |
| 09 | 생활 안전 ⑤ | 야외 활동, 안전하게 즐겨요 |
| 10 | 자연 재난 ① | 우리를 위협하는 재난, 미리 대비해요 |
| 11 | 자연 재난 ② | 자연 재난, 이렇게 대처해요 |
| 12 | 응급처치 ① | 빠른 응급처치가 생명을 살려요 |
| 13 | 응급처치 ② | 상황별 응급처치법을 알아보아요 |
| 14 | 안전한 한국 생활 | 위급할 때 필요한 긴급 정보를 알아보아요 |

CONTENTS

| | | |
|----|--------------------------------|---|
| 01 | Thông dụng | Gọi 119 trong trường hợp cấp cứu |
| 02 | An toàn cháy ① | Sơ tán trong trường hợp xảy ra cháy |
| 03 | An toàn cháy ② | Tìm hiểu cách sử dụng bình cứu hỏa |
| 04 | An toàn cháy ③ | Phòng cháy với thói quen kiểm tra |
| 05 | An toàn sinh mạng ① | Mọi người đều an toàn khi làm theo những điều cơ bản |
| 06 | An toàn sinh mạng ② | Thiết bị bảo hộ giúp người lao động an toàn |
| 07 | An toàn sinh mạng ③ | Tìm hiểu cách phòng ngừa tai nạn về an toàn tại khu công nghiệp |
| 08 | An toàn sinh mạng ④ | Tìm hiểu cách phòng ngừa tai nạn về an toàn tại khu công nghiệp |
| 09 | An toàn sinh mạng ⑤ | Tận hưởng an toàn các hoạt động ngoài trời |
| 10 | Thiên tai ① | Chuẩn bị đối phó với thảm họa đe dọa chúng ta |
| 11 | Thiên tai ② | Ứng phó với thiên tai theo cách này |
| 12 | Sơ cứu ① | Sơ cứu nhanh sẽ cứu tính mạng mọi người |
| 13 | Sơ cứu② | Tìm hiểu cách sơ cứu trong mỗi tình huống |
| 14 | Cuộc sống an toàn tại Hàn Quốc | Tìm thông tin liên hệ khẩn cấp trong trường hợp khẩn cấp |

소방안전교육! 다시 여러분 곁으로 찾아갑니다.

코로나19 팬데믹 시대에 소방안전교육은 비대면 방식으로 추진하면서 잠시 많은 교육이 이루어지지 못하였습니다. 화재 등 재난은 언제 어디서나 국민의 생명과 안전한 생활을 위협하고 있습니다. 그중에는 미리 예방할 수 있는 사고도 있었고 충분히 대응할 수 있었음에도 불의의 사고로 이어진 사례도 많았습니다. 특히, 어르신이나 장애인, 다문화가족 등 재난에 취약한 국민들은 사고 발생 시 신체적인 제약으로 스스로 자신의 안전을 지키지 못해 사고를 당하는 사례도 있었습니다. 이에 우리 소방청은 안전에 대한 핵심 정보만 엄선하고 엮어 취약계층 소방안전교재인 「119 안전교육」 교재를 제작하였습니다.

각 교재는 어르신, 장애인, 다문화가족 대상으로 현장과 전문가의 의견을 반영해 꼭 필요한 맞춤형 정보로 화재 안전, 생활 안전, 재난 안전 그리고 응급처치의 4대 분야의 안전정보를 구성 하였습니다.

본 교재를 가까이 두고 수시로 보면 위급할 때 핵심적인 대응 방법을 바로 따라 할 수 있습니다. 더불어 본 교재에 미처 수록하지 못한 다양한 정보는 여러분 곁으로 다시 찾아가는 소방안전 강사님들을 통해 완전한 정보로 완성될 수 있으니 가까운 소방관서에 방문하시어 체험을 통한 교육도 받아 보시기 바랍니다.

Phổ biến kiến thức về an toàn cháy! Đã đến lúc xem xét lại.

Chúng ta không thể tổ chức nhiều hoạt động phổ biến kiến thức về an toàn cháy trong suốt thời gian diễn ra đại dịch COVID-19 vì phải triển khai mà không được gặp mặt trực tiếp. Các thảm họa như hỏa hoạn luôn đe dọa tính mạng và sự an toàn của mọi người mọi lúc, mọi nơi. Một số thảm họa đáng nhẽ đã có thể ngăn chặn từ trước và một số thảm họa đã dẫn đến những tai nạn bất ngờ dù đáng nhẽ đã có thể ứng phó thích hợp. Cụ thể, những người dễ bị ảnh hưởng nặng nề bởi thảm họa như người cao tuổi, người khuyết tật, các gia đình đa văn hóa, sẽ phải chịu khổ do tai nạn, vì họ không thể bảo vệ bản thân do những giới hạn về thể chất khi xảy ra tai nạn. Do đó, Cơ Quan Phòng Cháy Chữa Cháy Quốc Gia đã xuất bản một cuốn sách về an toàn cháy có tên “Kiến Thức về An Toàn 119” dành cho nhóm người dễ bị ảnh hưởng nặng nề. Nội dung cuốn sách này được lựa chọn kỹ càng và chỉ bao gồm thông tin cốt lõi về an toàn.

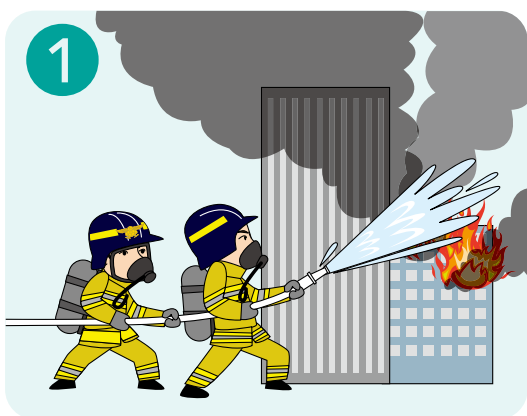
Chúng ta không thể tổ chức nhiều hoạt động phổ biến kiến thức về an toàn cháy trong suốt thời gian diễn ra đại dịch COVID-19 vì phải triển khai mà không được gặp mặt trực tiếp. Các thảm họa như hỏa hoạn luôn đe dọa tính mạng và sự an toàn của mọi người mọi lúc, mọi nơi. Một số thảm họa đáng nhẽ đã có thể ngăn chặn từ trước và một số thảm họa đã dẫn đến những tai nạn bất ngờ dù đáng nhẽ đã có thể ứng phó thích hợp. Cụ thể, những người dễ bị ảnh hưởng nặng nề bởi thảm họa như người cao tuổi, người khuyết tật, các gia đình đa văn hóa, sẽ phải chịu khổ do tai nạn, vì họ không thể bảo vệ bản thân do những giới hạn về thể chất khi xảy ra tai nạn. Do đó, Cơ Quan Phòng Cháy Chữa Cháy Quốc Gia đã xuất bản một cuốn sách về an toàn cháy có tên “Kiến Thức về An Toàn 119” dành cho nhóm người dễ bị ảnh hưởng nặng nề. Nội dung cuốn sách này được lựa chọn kỹ càng và chỉ bao gồm thông tin cốt lõi về an toàn.

Quý vị nên giữ cuốn sách này ở gần để có thể thực hiện ngay theo phương pháp ứng phó chính trong trường hợp khẩn cấp. Ngoài ra, quý vị có thể tìm thêm nhiều thông tin không có trong cuốn sách này trong bài giảng “Phổ biến kiến thức về an toàn cháy! Đã đến lúc xem xét lại”. Do đó, vui lòng đến sở cứu hỏa gần nhất và tham gia đào tạo về kinh nghiệm.

공통

01 위급할 땐 119에 신고해요

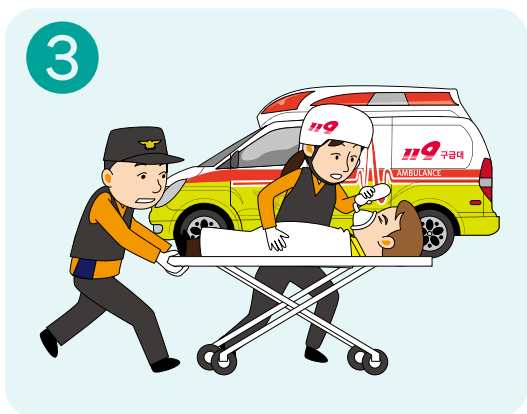
대한민국 소방청의 역할



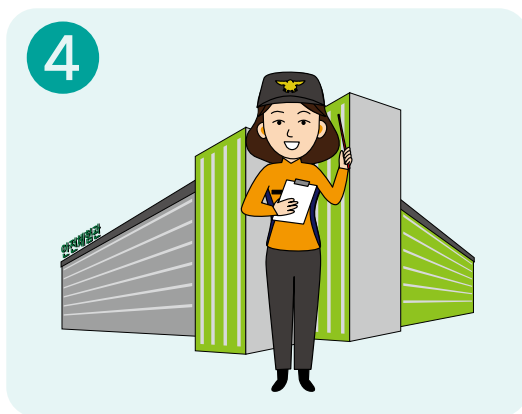
화재 예방 및 화재 진압



인명 구조 및 인명 피해 최소화



병원 도착 전 응급의료 서비스



그 밖의 각종 생활 안전 서비스
(동물 포획, 소방시설 인허가,
소방 검사, 안전 교육 등)

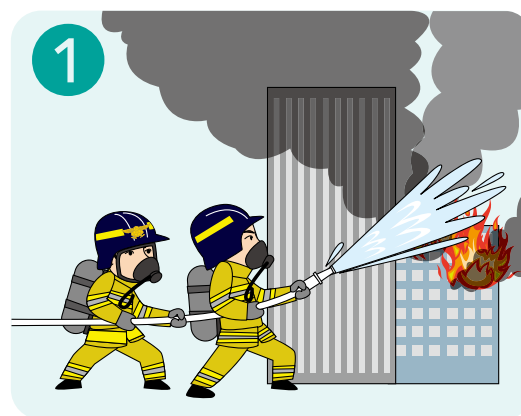


대한민국의 안전을 책임지는 소방청은 24시간 언제나 열려 있어요!

Thông dụng

01 Gọi 119 trong trường hợp cấp cứu

Vai trò của Cơ Quan Phòng Cháy Chữa Cháy Quốc Gia tại Hàn Quốc



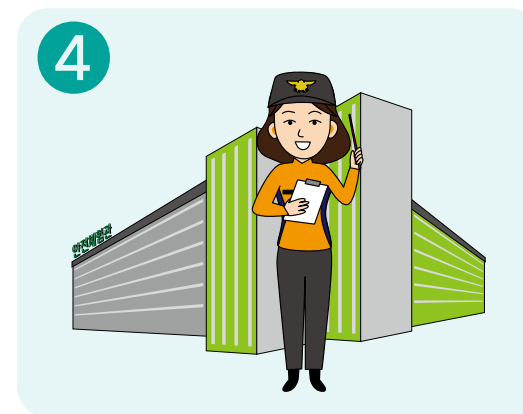
Phòng ngừa và kiểm soát các vụ hỏa hoạn



Cứu tính mạng và giảm thiểu trường hợp tử vong



Dịch vụ y tế cấp cứu trước khi đến bệnh viện



Nhiều loại dịch vụ an toàn sinh mạng khác
(bắt giữ động vật, cấp phép và phê duyệt
cho cơ sở cứu hỏa, kiểm tra hoạt động cứu
hỏa, đào tạo về an toàn, v.v.)



Cơ Quan Phòng Cháy Chữa Cháy Quốc Gia giám sát tình hình an toàn tại Hàn Quốc và hoạt động 24 giờ mỗi ngày!

올바른 119 신고 방법



- 1 화재, 사고 등 재난 유형을 이야기해요.
- 2 정확한 위치를 알려요.
- 3 사고 상황을 설명해요.
- 4 전화를 끊지 말고 구급대원의 안내에 따라 행동해요.



외국어 통역이 지원돼 한국말을 못해도 신고가 가능해요.
자녀들에게 외국어 통역이 지원돼 신고가 가능하다는 사실을 꼭 알려주세요!

다양한 119 신고 방법

영상통화 신고



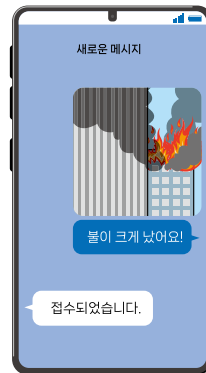
119와 영상통화를 해요.

앱 신고



119앱 신고버튼을 눌러요.

문자 신고



119에 문자를 보내요.

한국 생활을 위한 안전 정보

임산부라면 119 안심콜 서비스를!



[QR코드]



기본 인적 사항을 미리 등록해 두면 출산 또는 위급상황이 생겼을 때 신속히 도움을 받을 수 있어요.

- ▶ 119안전신고센터(www.119.go.kr)에 등록
- ※ 본인 및 대리인 신청 가능

Hướng dẫn gọi 119 đúng cách



- 1 Cho chúng tôi biết loại thảm họa, như hỏa hoạn và tai nạn.
- 2 Cho chúng tôi biết vị trí chính xác.
- 3 Cho chúng tôi biết tình huống xảy ra tai nạn.
- 4 Không gác máy và làm theo hướng dẫn của nhân viên y tế cấp cứu.



Chúng tôi có sẵn dịch vụ phiên dịch ngoại ngữ. Quý vị có thể trình bày bằng ngôn ngữ của mình. Hãy nhớ báo cho con quý vị biết có thể thông báo bằng ngoại ngữ!

Có nhiều cách để quý vị gọi 119

Thông báo qua cuộc gọi video



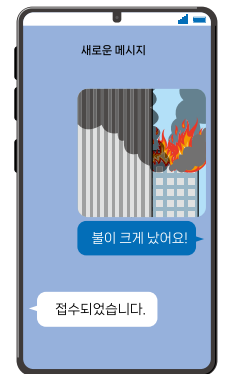
Gọi video với 119

Thông báo qua ứng dụng



Nhấn nút Thông báo trong "ứng dụng 119".

Báo cáo qua tin nhắn



Nhấn nút Thông báo trong "ứng dụng 119".

Thông tin an toàn để sống tại Hàn Quốc

Dịch Vụ Gọi Số An Toàn 119 dành cho phụ nữ mang thai!



[Mã QR]

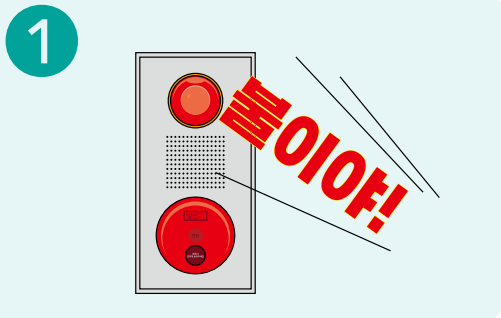


Đăng ký thông tin cá nhân cơ bản trước để nhanh chóng được trợ giúp khi sắp sinh nở hoặc trong trường hợp cấp cứu.

- ▶ Đăng ký tại Trung Tâm Thông Báo An Toàn 119 (www.119.go.kr)
- ※ Cá nhân và đại lý đều có thể đăng ký.

02 불이 나면 대피해요

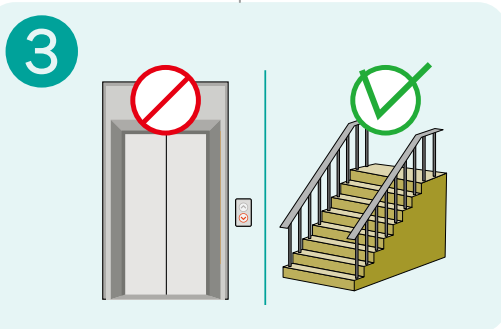
화재 대피요령



불과 연기를 보면
"불이야!"라고 소리치고
비상벨을 눌러요.



젖은 수건으로 코와 입을 가리고
낮은 자세로 빠르게 대피해요.



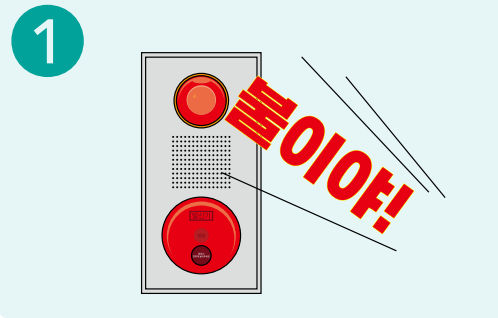
엘리베이터는 절대 금물!
비상계단을 통해 아래층 또는
옥상이나 피난층으로 이동해요.



창밖으로 연기가 올라오면 옥상으로 대피하고, 연기가 올라오지 않으면
아래층으로 대피해요.
대피가 어려울 때는 화장실 혹은 베란다 창문 쪽으로 이동해서 구조 요청하세요!

02 Sơ tán trong trường hợp xảy ra cháy

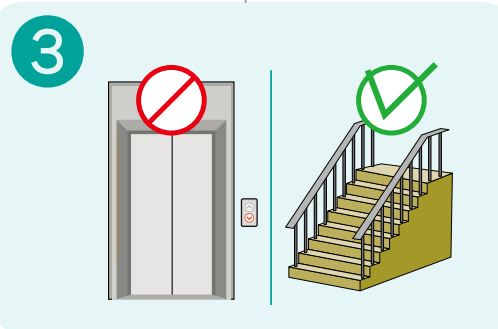
Lời khuyên sơ tán khi có hỏa hoạn



Nếu quý vị thấy lửa và khói, hãy
hét to "Cháy!" và nhấn chuông báo
khẩn cấp.



Dùng khăn ướt che mũi và miệng,
cúi thấp người và nhanh chóng sơ
tán.



Tuyệt đối không dùng thang máy! Đi
xuống tầng dưới, lên mái nhà hoặc
tầng sơ tán bằng cầu thang thoát hiểm.



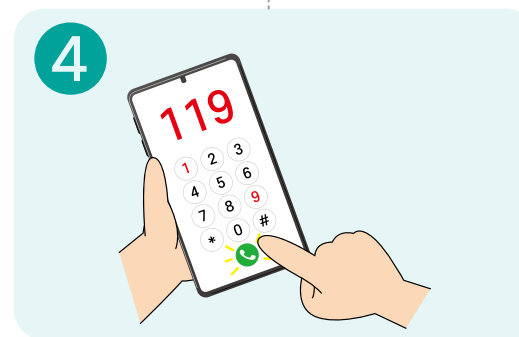
Sơ tán lên mái nếu khói bay lên từ cửa sổ hoặc sơ tán xuống tầng thấp
hơn nếu khói không bay lên.
Nếu khó sơ tán, hãy đến chỗ cửa sổ phòng tắm hoặc hiên và nhờ giúp
đỡ!



안전한 곳으로 **대피한 후**
119에 신고해요.



초기의 작은 불은 소화기로 꺼 주세요.
화재 초기에는 소화기 1대가 소방차 1대의 위력을 발휘해요!



서둘러 안전한 곳으로 대피하고
119를 부르세요.



Dùng bình cứu hỏa dập tắt đám cháy nhỏ.
Khi hỏa hoạn mới xảy ra, một bình cứu hỏa cũng có hiệu quả như một xe cứu hỏa!



[여기서 잠깐!]
응급상황에 필요한 한국어 표현을 익혀요!

도와주세요!
불이야! 119에 신고해 주세요.
구급차를 불러 주세요.
가까운 병원이 어디예요?
어디에서 도움을 받을 수 있어요?



[Chờ một chút!]
Học các từ tiếng Hàn cần thiết trong trường hợp khẩn cấp!

Giúp với!
Cháy! Làm ơn gọi 119.
Làm ơn gọi xe cứu thương.
Bệnh viện gần nhất ở đâu?
Tôi có thể nhờ trợ giúp ở đâu?

한국 생활을 위한 안전 정보

비상구를 알려주는 유도등 알기



피난구 유도등
출입구를 알려줘요.



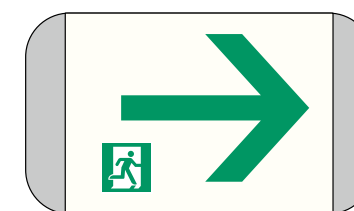
통로 유도등
대피 방향을 알려줘요.

Thông tin an toàn để sống tại Hàn Quốc

Tìm đèn chỉ đường dẫn đến lối thoát hiểm.



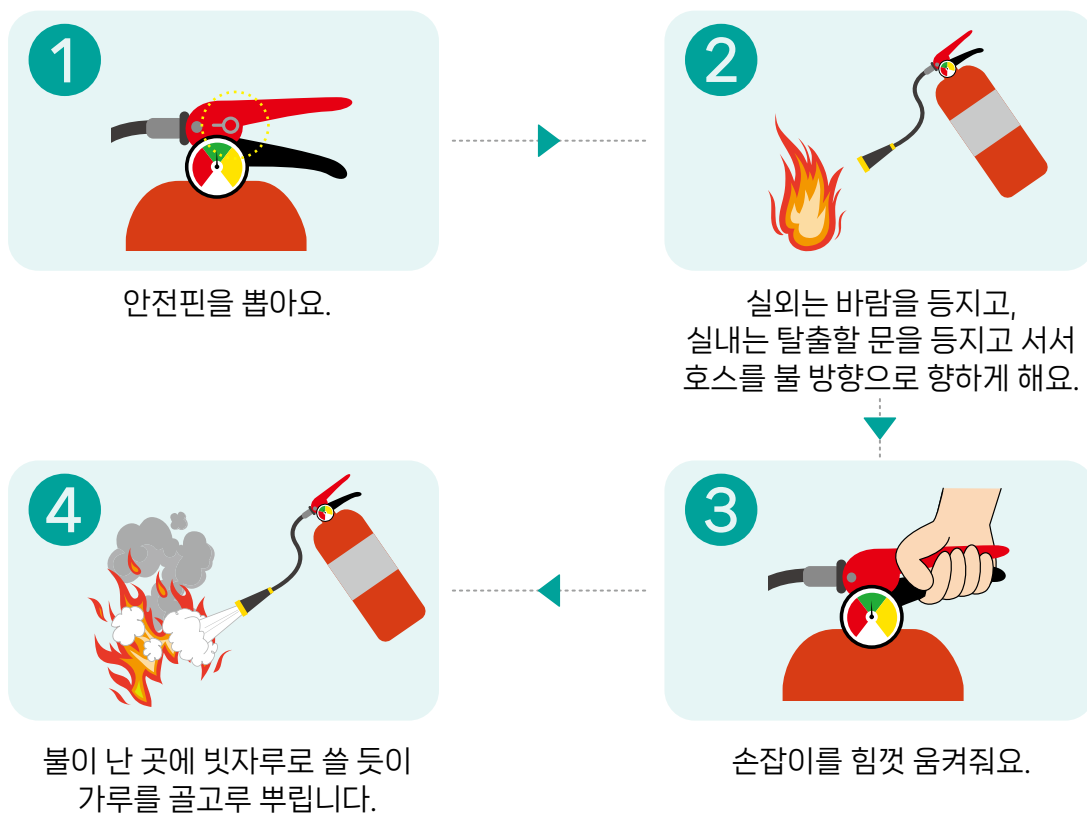
**Đèn chỉ đường đến lối thoát
sơ tán**
Cho biết lối vào.



Đèn chỉ đường giữa lối đi
Cho biết hướng sơ tán.

03 소화기 사용법을 알아보아요

올바른 소화기 사용법



[여기서 잠깐!]

소화기 안전하게 관리하기

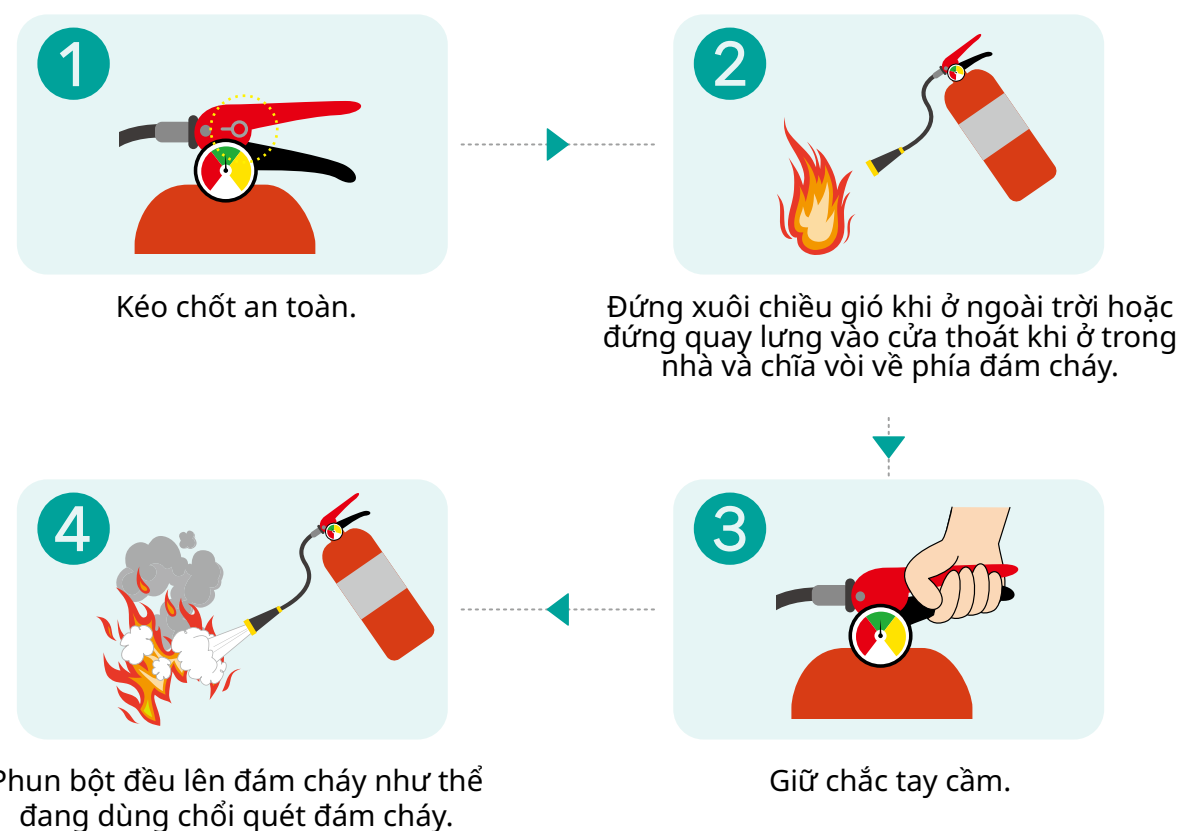
우리집 소화기 안전할까?

소화기 유효기한은 10년
성능확인검사 후 1회만 3년 연장 가능



03 Tìm hiểu cách sử dụng bình cứu hỏa

Hướng dẫn sử dụng bình cứu hỏa đúng cách

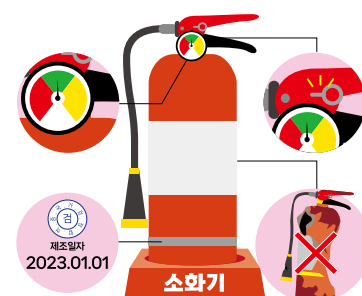


[Chờ một chút!]

Bảo quản bình cứu hỏa
một cách an toàn

Bình cứu hỏa tại nhà của tôi có an toàn không?

Bình cứu hỏa có hạn dùng 10 năm.
Có thể kéo dài hạn dùng thêm 3 năm nhưng chỉ một lần, sau khi kiểm tra khả năng hoạt động.



투척용 소화기 사용법



1 커버를 벗겨요.

2 소화기를 꺼내요.

3 불을 향해 던져요.



투척용 소화기는 무게가 가볍고 사용이 간편하며, 내용물(약제)이 굳지 않아 보관이 편리해요!

Cách sử dụng bình cứu hỏa dạng ném



1 Tháo vỏ bọc bình cứu hỏa.

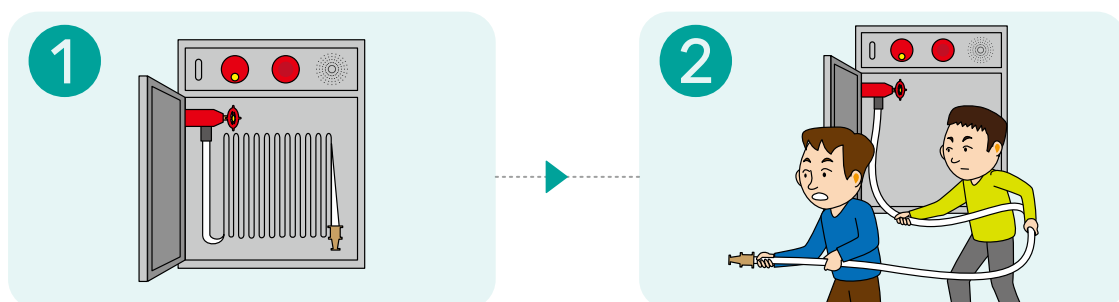
2 Lấy bình cứu hỏa ra.

3 Ném về phía đám cháy.



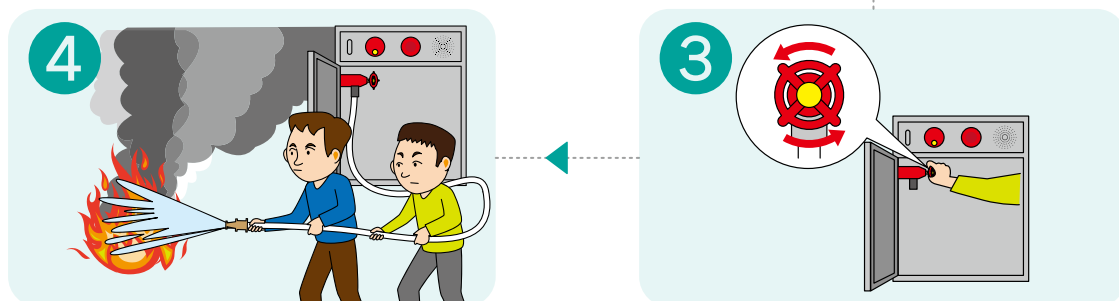
Bình cứu hỏa dạng ném có trọng lượng nhẹ và dễ dùng, dễ bảo quản vì hóa chất bên trong không bị cứng lại.

소화전 사용법



1 소화전 문을 연다.

2 호스를 빼고 노즐을 잡는다.



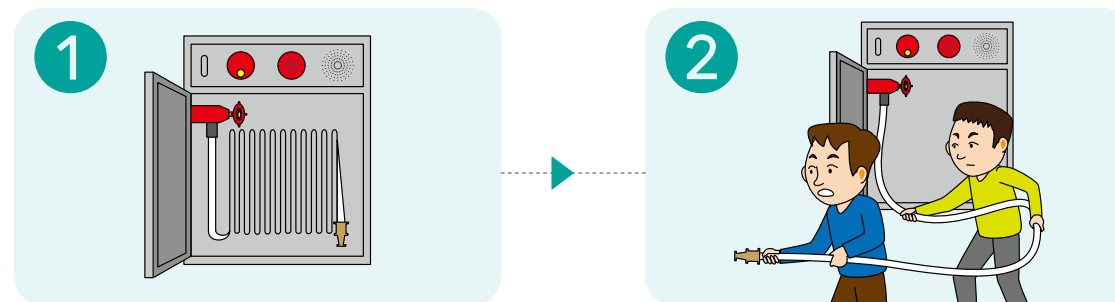
3 불을 향해 쏜다.

4 소화전 밸브를 왼쪽으로 돌린다.



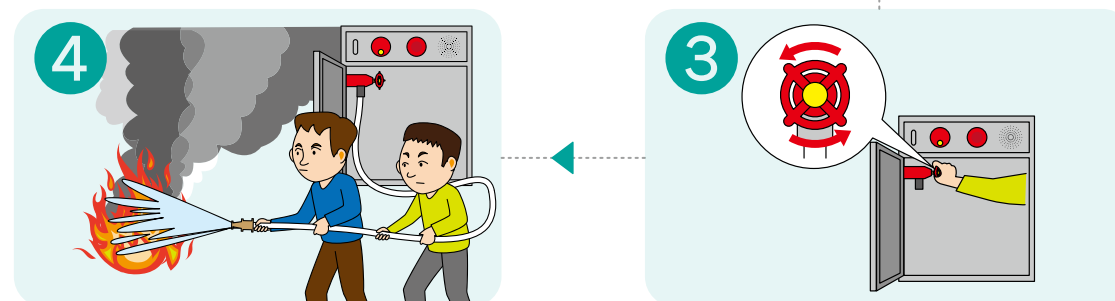
소화전은 수압이 매우 강하니 2명이 1조가 되어 사용해요!

Cách sử dụng vòi chữa cháy



1 Mở cửa bảo vệ vòi chữa cháy.

2 Lấy vòi ra và giữ miệng vòi.



3 Phun vào đám cháy.

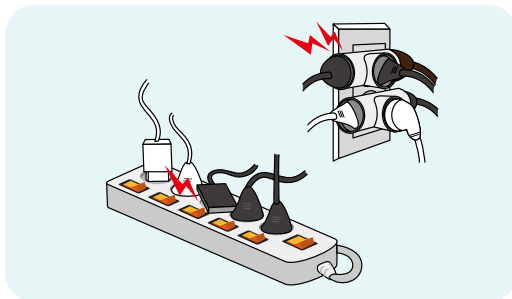
4 Vặn van vòi chữa cháy sang bên trái.



Vì vòi chữa cháy có áp suất nước mạnh nên cần hai người giữ.

04 점검하는 습관으로 화재를 예방해요

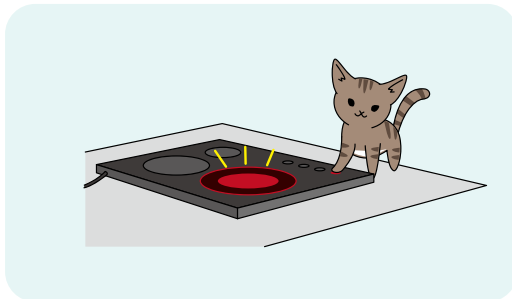
화재가 일어나는 주요 원인



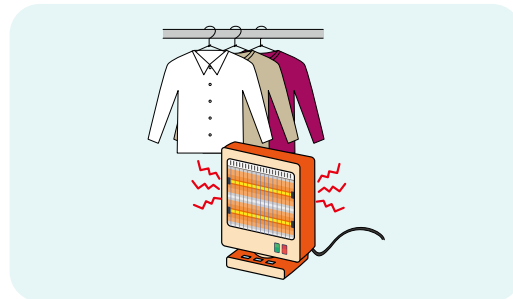
낡은 전선 및 문어발식 콘센트 사용



음식 조리 중 자리 비움



반려동물의 전기레인지(인덕션) 작동



전열기구의 장시간 사용



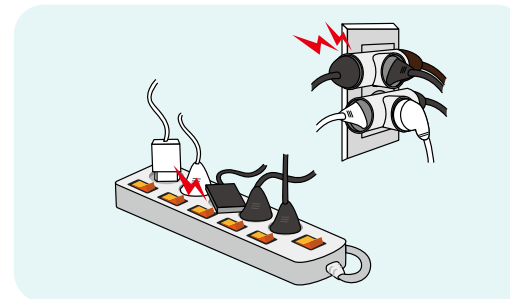
불이 덜 꺼진 담배꽂초와 담뱃재



산림 근처에서의 불법 소각

04 Phòng cháy với thói quen kiểm tra

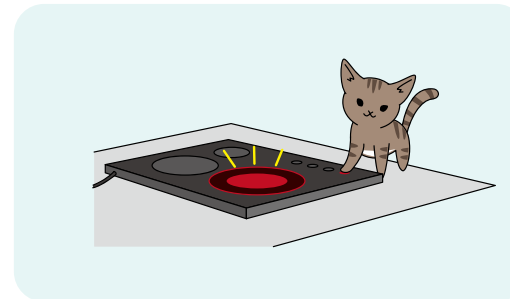
Nguyên nhân chính gây cháy



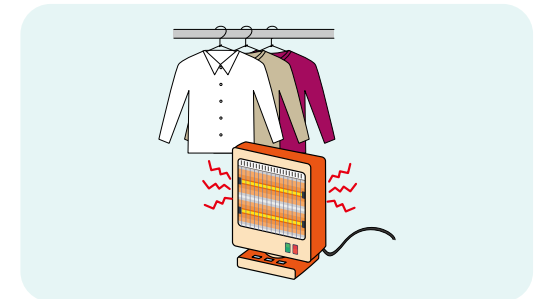
Nguyên nhân chính gây cháy



Không trông chừng khi nấu ăn



Thú cưng bật bếp điện (tủ)



Sử dụng thiết bị điện tỏa nhiệt trong
thời gian dài

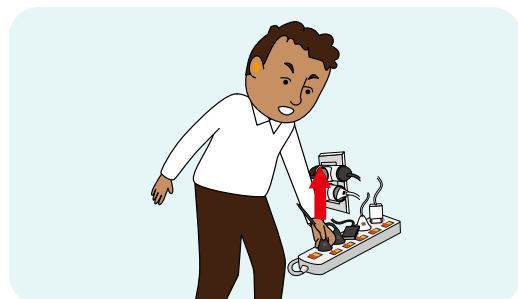


Không dập tắt tàn thuốc lá và tro

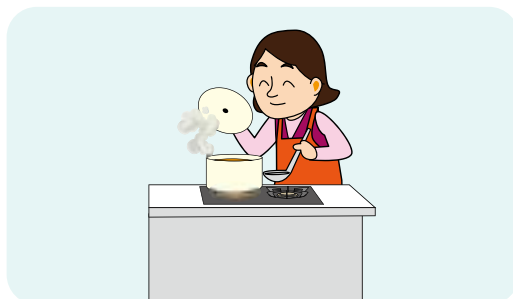


Đốt rác trái phép gần rừng

화재 예방을 위한 좋은 습관



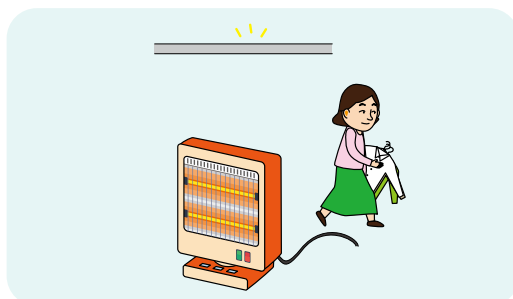
낡은 전선은 교체하고
콘센트에 여러 플러그 꽂지 않기



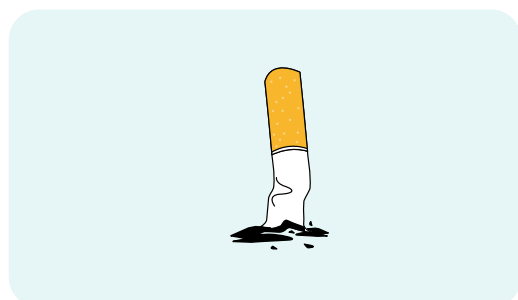
음식을 조리할 때 불이 보이는 곳에 있기



반려동물이 있다면 외출 시
전원 차단하거나 덮개 사용하기



전열기구 주변에
불타기 쉬운 물건 두지 않기

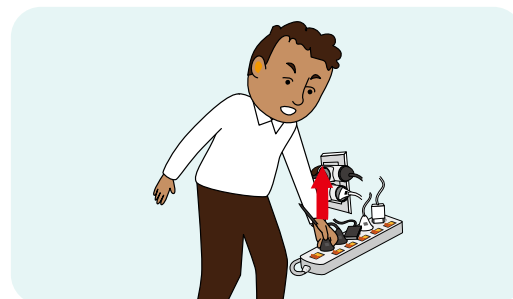


담배꽂초 버리기 전
불이 꺼졌는지 확인하기

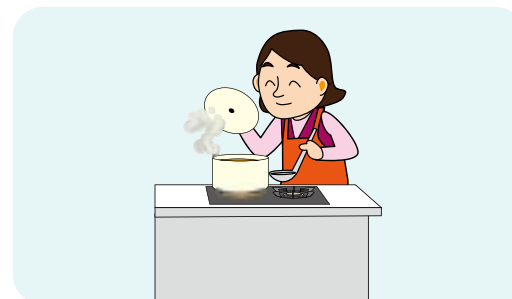


산림 근처에서 불 피우지 않기
(비닐, 영농 쓰레기 등은
폐기물로 수거 처리)

Thói quen tốt giúp phòng cháy



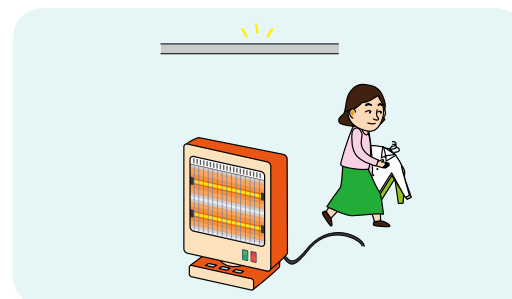
Thay dây điện cũ và tránh cắm nhiều
phích vào một ổ.



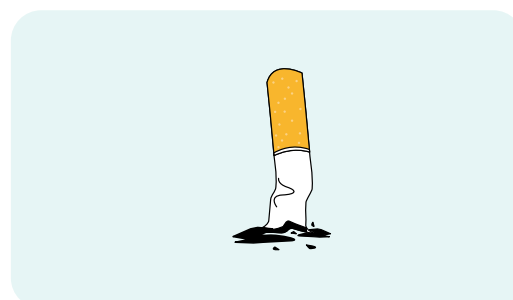
Trông chừng ngọn lửa khi nấu ăn.



Nếu quý vị có thú cưng, hãy tắt
nguồn điện hoặc đậy nắp che khi ra
ngoài.



Không đặt các vật dễ cháy gần thiết bị
điện tỏa nhiệt.



Dập tắt tàn thuốc trước khi vứt đi.



Không đốt lửa gần rừng.
(Thu gom rác như vinyl và rác thải
nông nghiệp như rác thường)



[여기서 잠깐!]

이 밖에 안전한 대피를 위해 미리 점검할 것은?

- 1) 계단과 통로에는 대피할 때 방해되는 물건을 쌓아 두지 않아요.
- 2) 우리 집에 설치된 대피 장소의 위치를 미리 확인해요.



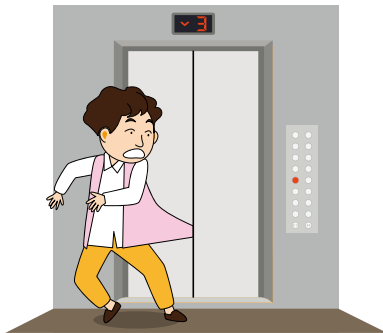
[Chờ một chút!]

Quý vị nên kiểm tra gì khác từ trước để
sơ tán an toàn?

- 1) Không xếp chồng hàng hóa có thể cản trở việc sơ tán
trên cầu thang và lối đi.
- 2) Kiểm tra trước vị trí sơ tán đặt trong nhà quý vị.

05 기본을 지키면 모두가 안전해요

다중이용시설 이용 시 주요 사고 원인



엘리베이터

- 엘리베이터 문에 옷자락 등이 끼는 사고
- 문이 닫힐 때 서둘러 타려다 발생하는 사고



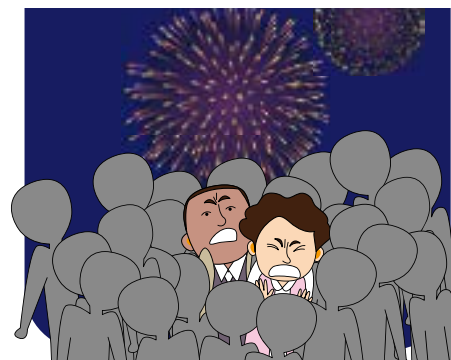
에스컬레이터

- 에스컬레이터에서 중심을 잃고 쓰러지는 사고
- 다른 사람이 세워 둔 물건에 걸려 넘어지는 사고



자동 회전문

- 회전문 속도에 맞추지 못해 발생하는
- 회전문의 작동이 멈춰 몸이 끼는 사고



축제/공연장

- 많은 사람이 밀집돼 발생한 압사 및 추락 사고

05 Mọi người đều an toàn khi làm theo những điều cơ bản

Nguyên nhân chính gây ra tai nạn khi sử dụng cơ sở hạ tầng chung



Thang máy

- Quần áo bị kẹt vào cửa thang máy.
- Vội vàng vào thang máy khi cửa đóng.



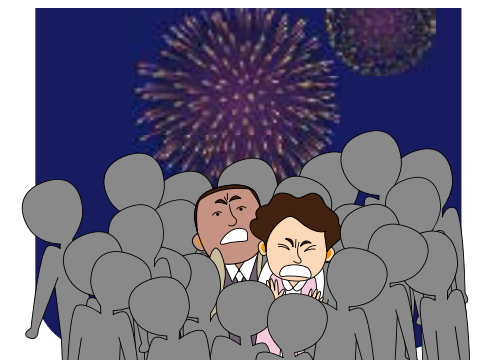
Thang cuốn

- Mất thăng bằng và bị ngã khi đi thang cuốn.
- Vấp phải đồ vật do người khác đặt trên thang cuốn.



Cửa quay tự động

- Không thể bắt kịp tốc độ của cửa quay.
- Bị kẹt trong cửa do cửa quay dừng lại.



Lễ hội/nhà hát

- Bị đám đông xô đẩy và bị ngã.

다중이용시설 이용 안전수칙



엘리베이터

타기 전 발판 확인 후 탑승하고
엘리베이터 문에 기대지 않기



에스컬레이터

노란선 안에 탑승하고
신발, 옷자락 등이 끼지 않게 주의하기



자동 회전문

회전문속도에 맞춰 이동하고
문을 만지면 멈출 수 있으니 주의하기



축제/공연장

관계자의 지시에 따라 질서 있게
이동하고 많은 인파가 몰리면 즉시
그 장소를 빠져 나오기



압사 위험을 느꼈을 땐 팔짱을 끼어 가슴 앞 공간을 확보하거나
가방 등으로 가슴을 보호해요!

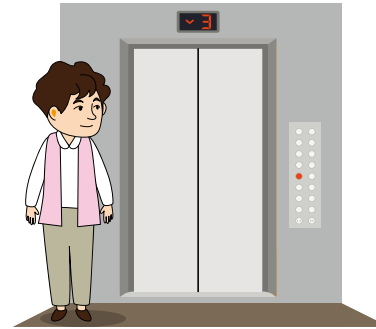
한국 생활을 위한 안전 정보

다중이용시설 사고가 발생하면 이렇게!

- 1) 엘리베이터가 멈추면 비상벨을 눌러 관리실에 알리거나 119로 신고해요.
- 2) 에스컬레이터 또는 자동문 사고가 발생하면 비상 정지 버튼을 누르거나 119에 신고해요.



Quy tắc an toàn khi sử dụng cơ sở hạ tầng chung



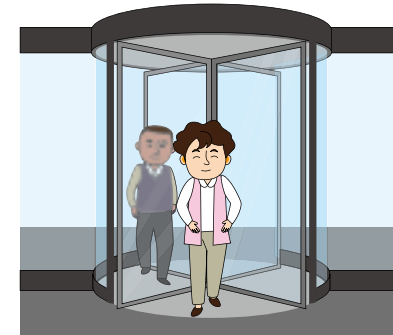
Thang máy

Kiểm tra chỗ đặt chân trước khi
bước vào và không dựa vào cửa
thang máy.



Thang cuốn

Bước lên trong phạm vi đường màu
vàng và cẩn thận không để giày hay
quần áo bị kẹt.



Cửa quay tự động

Di chuyển theo tốc độ của cửa quay
và cẩn thận không chạm vào cửa vì
cửa có thể dừng lại.



Lễ hội/nhà hát

Di chuyển trật tự theo hướng dẫn của
người tổ chức và rời đi ngay nếu có quá
nhiều người.



Nếu quý vị cảm thấy có rủi ro bị xô đẩy, hãy bảo vệ khoảng trống
trước ngực bằng cách khoanh tay hoặc dùng túi bảo vệ ngực!

Thông tin an toàn để sống tại Hàn Quốc

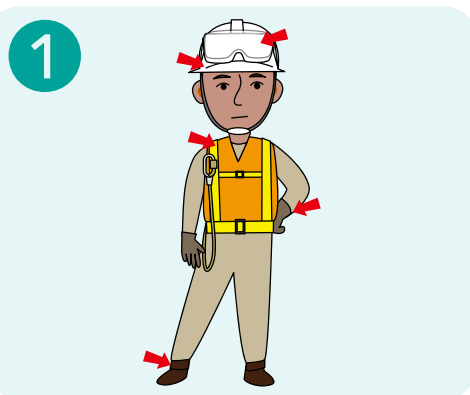
Điều nên làm nếu xảy ra tai nạn trong cơ sở hạ tầng chung!

- 1) Nếu thang máy dừng lại, hãy nhấn chuông báo khẩn cấp và gọi cho văn phòng quản lý hoặc 119.
- 2) Nếu xảy ra tai nạn với thang cuốn hoặc cửa tự động, hãy nhấn nút dừng khẩn cấp hoặc gọi 119.

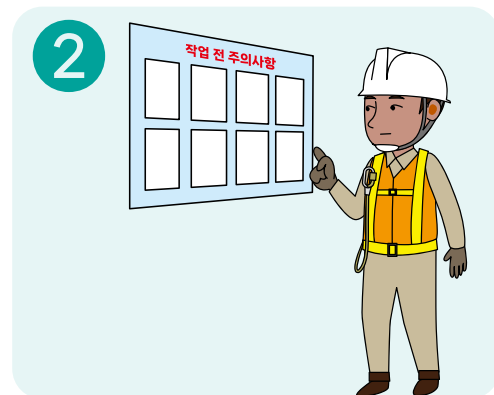


06 안전장비가 근로자의 안전을 지켜줘요

산업현장 근로자 안전수칙



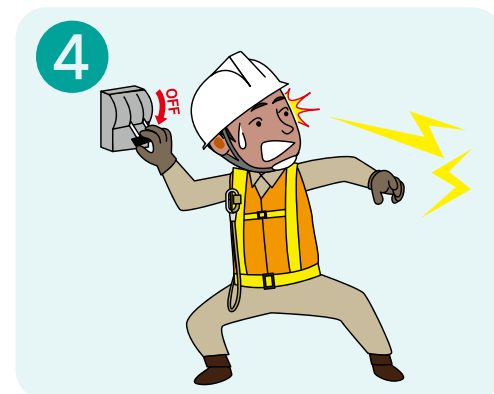
안전 보호장비 꼭 착용하기



작업 전 주의사항 확인하기



작업장 주변 및 통로 정리하기



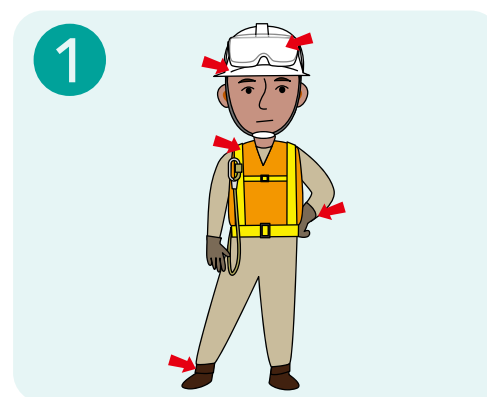
비상 시 모든 장비/기계 멈추기
(이상 징후 시 관리자에게 즉시 알리기)



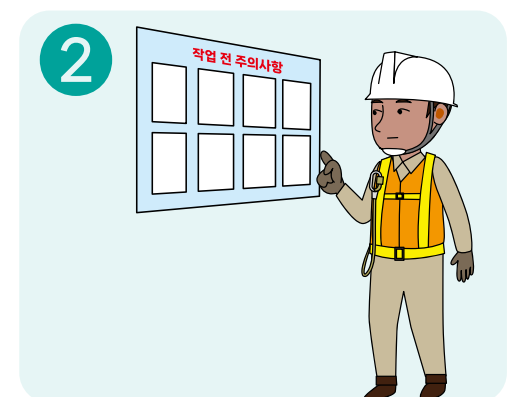
안전수칙 준수와 안전 물품 등을 고용주에게 요구할 수 있어요!

06 Thiết bị bảo hộ giúp người lao động an toàn

Quy tắc an toàn cho người lao động tại khu công nghiệp



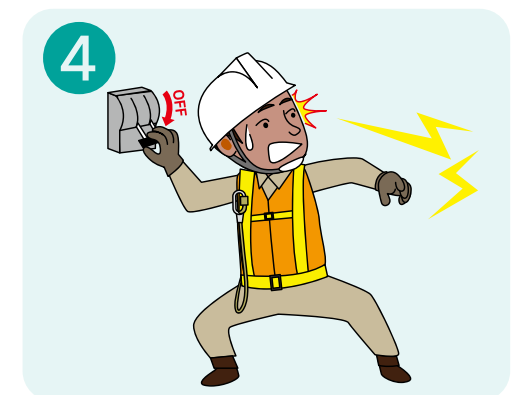
Sử dụng thiết bị bảo hộ.



Kiểm tra các biện pháp thận trọng trước khi làm việc.



Dọn sạch khu vực làm việc và lối đi.

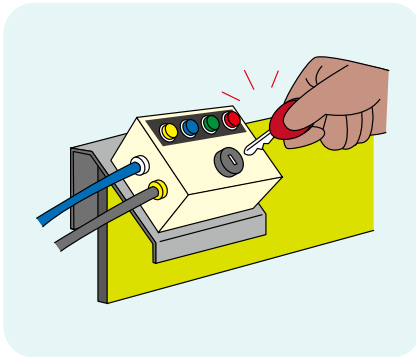


Dừng mọi thiết bị/máy móc khi có tình huống khẩn cấp.
(Thông báo ngay cho quản lý nếu nghi ngờ có lỗi.)



Quý vị có thể yêu cầu chỗ làm tuân thủ các quy tắc an toàn và cung cấp thiết bị bảo hộ!

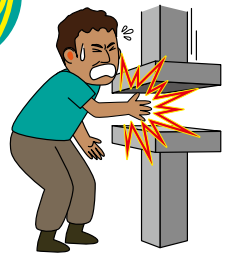
기계 작동 시 끼임·말림 사고 예방수칙



- 작업장에 적합한 작업복을 착용해요.
- 위험한 기계에 덮개, 울타리 등 안전조치를 해요.
- 기계 정비, 청소 등을 할 때는 작동을 멈춰요.
- 기계 점검 중에는 잠금 장치를 하고 '점검 중 조작 금지' 안전 표지판을 붙여요.



[여기서 잠깐!] 끼임·말림 사고가 일어났다면?



- 기계의 작동을 멈추고 필요한 경우 전원을 차단해요.
- 사고를 주변에 알리고 구조요청을 해요.
- 부상자를 발견하면 작동 중인 기계를 멈추고 119에 신고해요.

막혀있는 공간에서의 질식 사고 예방수칙



- 작업 공간의 산소 농도가 18% 이상인지 확인하고, 작업할 때는 두 사람 이상이 함께해요.
- 수시로 환기를 하고 비상구 위치를 2곳 이상 알아둬요.

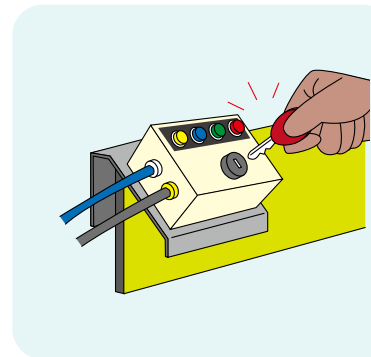


[여기서 잠깐!] 질식 사고가 일어났다면?



- 질식 사고가 발생하면 즉시 119에 신고해요
- 안전 장비가 없을 경우 사고 현장에 무리하게 들어가지 않아요.
- 안전을 확인한 후 환기가 잘 되는 장소로 환자를 옮겨요.

Quy tắc phòng ngừa tai nạn bị nghiền và bị kẹt khi vận hành máy móc



- Mặc quần áo lao động phù hợp với nơi làm việc.
- Thực hiện các biện pháp an toàn đối với máy móc nguy hiểm, ví dụ như nắp bảo vệ và tấm chắn.
- Dừng máy trong khi bảo dưỡng, vệ sinh máy, v.v.
- Khóa máy và đặt biển báo an toàn "Không vận hành trong khi kiểm tra" trong khi kiểm tra máy.



[Chờ một chút!] Cần làm gì nếu xảy ra tai nạn bị nghiền và bị kẹt?



- Dừng máy và tắt nguồn điện nếu cần thiết.
- Thông báo về tai nạn cho những người xung quanh và nhờ họ cứu trợ.
- Nếu quý vị thấy có người bị thương, hãy dừng máy và gọi 119.

Các quy tắc phòng ngừa để tránh tai nạn bị ngạt thở trong không gian kín



- Kiểm tra xem nồng độ oxy trong khu vực làm việc của quý vị có từ 18% trở lên hay không và làm việc theo nhóm hai người.
- Thông khí thường xuyên và nhớ ít nhất hai lối thoát hiểm.



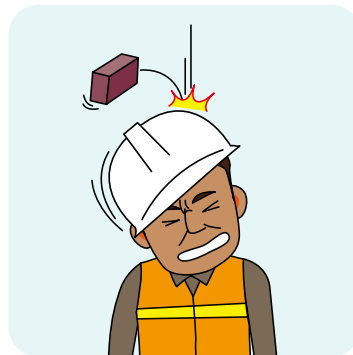
[Chờ một chút!] Cần làm gì nếu xảy ra tai nạn bị ngạt thở?



- Nếu xảy ra tai nạn bị ngạt thở, hãy gọi ngay 119.
- Không vội tiến vào nơi xảy ra tai nạn nếu quý vị không có thiết bị an toàn.
- Đưa bệnh nhân ra nơi thoáng khí sau khi xảy ra tai nạn bị ngạt thở.

07 산업 현장 안전사고의 예방수칙을 알아보아요

물류창고 사고 예방 수칙



낙하물주의

개인 안전장비 꼭 착용하기



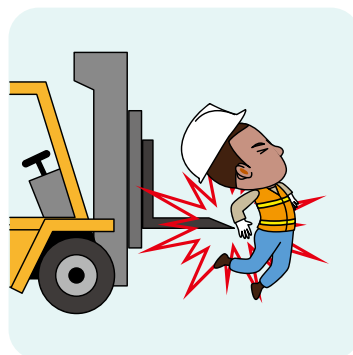
화재 주의

지정된 장소 외 금연하기



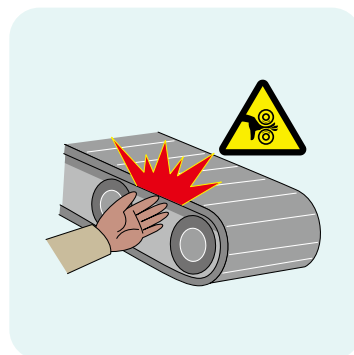
미끄러짐 주의

계단 이동 시 시야 확보하기



충돌주의

중장비 운행 시
시야 확보하기



끼임 주의

위험한 기계에
안전조치 하기



근골격계질환 주의

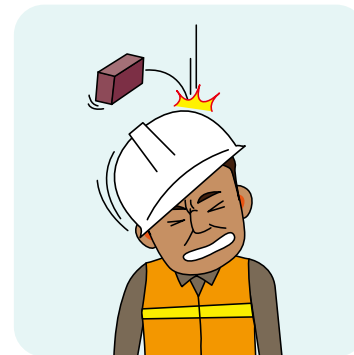
무거운 물건은
기계로 옮기기



여름철에는 온열질환이 발생할 수 있으니 자주 휴식을 취하고 스트레칭을 해요!

07 Tìm hiểu cách phòng ngừa tai nạn về an toàn tại khu công nghiệp

Các quy tắc phòng ngừa tai nạn nhà kho



Cẩn thận tránh đồ vật bị rơi.

Nhớ sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.



Cẩn thận hỏa hoạn

Không hút thuốc bên ngoài khu vực đã chỉ định.



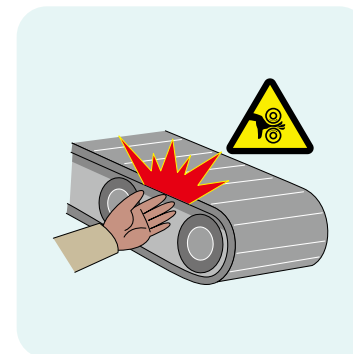
Cẩn thận tránh bị trượt

Đảm bảo có tầm nhìn rõ khi lên xuống cầu thang.



Cẩn thận tránh va chạm

Đảm bảo có tầm nhìn rõ khi vận hành máy móc hạng nặng.



Cẩn thận tránh bị kẹt

Thực hiện các biện pháp an toàn đối với máy móc nguy hiểm.



Cẩn thận tránh bị rối loạn cơ xương

Sử dụng máy móc khi di chuyển đồ vật nặng.



Nghỉ giải lao và giãn cơ thường xuyên vào mùa hè để tránh các bệnh liên quan đến nhiệt!

건설 현장 사고 예방 수칙



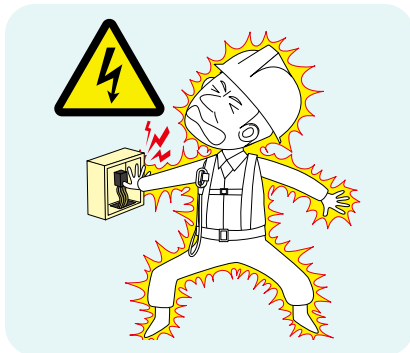
떨어짐 사고

- 공사장 주변에 추락 방지 안전 표지판이 설치돼 있는 지 확인해요.
- 사다리는 평평하고 미끄럽지 않은 바닥에 설치한 후 사용해요.



용접 중 안전사고

- 작업 전 물통, 불연성 칸막이, 마른 모래, 소화기를 준비해요.
- 작업 후에는 용접봉을 분리하고, 용접기의 전원을 차단해요.



전기 감전 사고

- 습기가 많은 곳에서 전기를 사용할 때는 안전 조치를 했는지 확인해요.
- 전원 플러그를 뽑을 때는 반드시 플러그를 잡고 뽑아요.



각 작업에 필요한 개인 안전장비를 반드시 착용하고, 불에 잘 붙는 물질은 작업장 주변에 두지 않아요!

한국 생활을 위한 안전 정보



건설 현장 사고 발생 시 이렇게!

- 즉시 119로 신고한 후 구급 대원이 도착할 때까지 환자의 의식과 호흡을 확인하고 응급처치를 해요.
- 심정지가 의심되면 즉시 심폐소생술을 실시해요.

Các quy tắc phòng ngừa tai nạn tại công trường



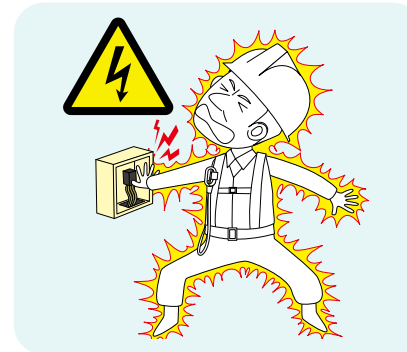
Tai nạn rơi ngã

- Kiểm tra xem có các biển báo an toàn phòng ngừa rơi ngã quanh công trường hay không.
- Đặt thang trên bề mặt phẳng, chống trượt trước khi sử dụng.



Sự cố về an toàn khi hàn

- Chuẩn bị thùng đựng nước, vách ngăn không cháy, cát khô và bình cứu hỏa trước khi làm việc.
- Tháo que hàn và cắt điện của máy hàn sau khi làm việc.



Tai nạn giật điện

- Kiểm tra xem các biện pháp thận trọng an toàn có được thực hiện khi sử dụng điện trong các khu vực ẩm ướt hay không.
- Nhớ giữ phích cắm trước khi rút phích cắm điện.



Nhớ sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân cần thiết cho mỗi công việc và không đặt các vật liệu dễ cháy xung quanh khu vực làm việc!

Thông tin an toàn để sống tại Hàn Quốc



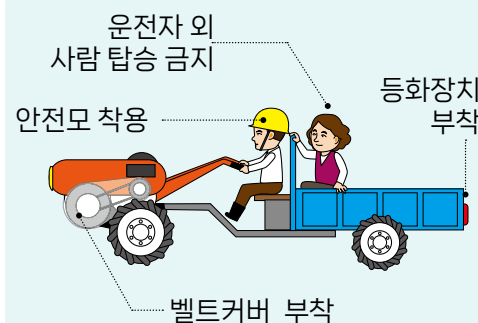
Thực hiện những hành động sau khi xảy ra tai nạn ở công trường!

- Gọi ngay 119, kiểm tra xem bệnh nhân có ý thức và còn thở không, đồng thời tiến hành sơ cứu cho đến khi nhân viên y tế cấp cứu có mặt.
- Nếu nghi ngờ bệnh nhân bị ngừng tim, hãy tiến hành hồi sức tim phổi (CPR) ngay.

08 농기구 안전사고 예방수칙을 알아보아요

농기구별 안전 이용수칙

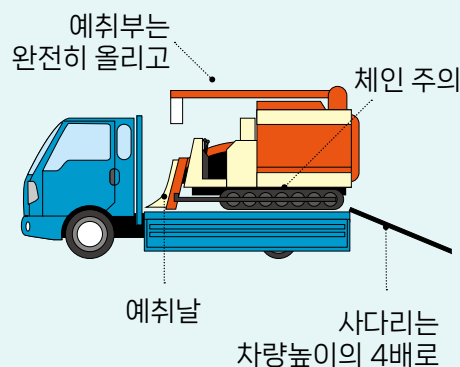
경운기



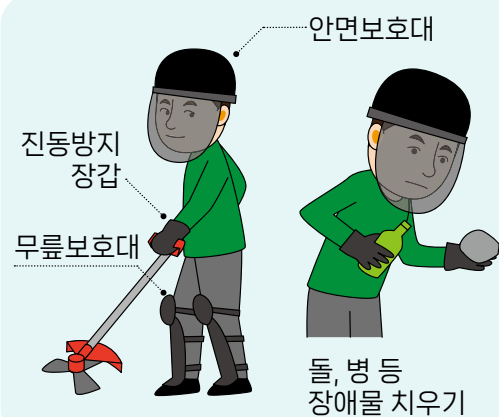
트랙터



콤바인



예초기와 예취기



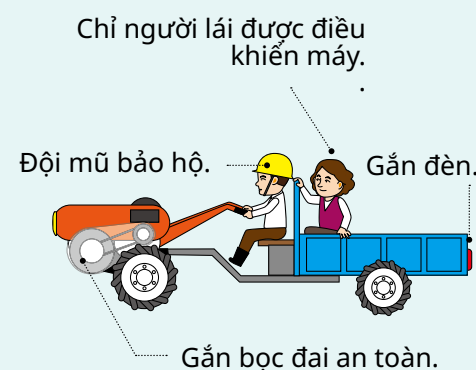
용어 풀이

예초기: 날을 회전시켜 잡초나 잔디를 깎는 도구
예취기: 벼나 보리를 베어 수확하는 기계

08 Tìm hiểu cách phòng ngừa tai nạn về an toàn tại khu công nghiệp

Các quy tắc sử dụng an toàn đối với dụng cụ làm nông

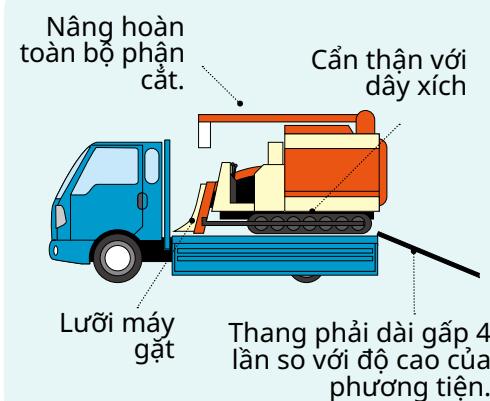
Máy cày



Máy kéo



Máy gặt đập liên hợp



Máy gặt và máy cắt



Bảng thuật ngữ

Máy gặt: Dụng cụ cắt cỏ hoặc cỏ dại bằng cách xoay lưỡi dao.
Máy cắt: Máy cắt và thu hoạch lúa gạo hoặc lúa mạch.

농기구 사고 예방수칙

- 1 농기구 사용 전·후 작동상태 점검하기
- 2 방향지시등, 후미등, 저속차량표시등 야간반사판 등을 꼭 부착하기
- 3 헐렁하거나 소매가 긴 옷 입지 않기
- 4 음주 후 농기계 조작은 절대 금물, 운전자 외 다른 사람 태우지 않기
- 5 경사진 곳이나 좁은 농로를 지날 땐 주행속도 줄이기
- 6 날이 어두워지면 농기구 사용 안 하기



농기구사고가 발생하면 119에 신고하거나 응급처치 후 가까운 병원에 방문해요!

한국 생활을 위한 안전 정보

안전한 방제 복장 알아보기



Các quy tắc phòng ngừa tai nạn khi sử dụng dụng cụ làm nông

- 1 Kiểm tra tình trạng hoạt động trước và sau khi sử dụng dụng cụ làm nông.
- 2 Đảm bảo gắn đèn xi nhan, đèn hậu, đèn báo xe chạy tốc độ thấp và đèn phản quang ban đêm.
- 3 Không mặc quần áo rộng thùng thình hoặc dài tay.
- 4 Tuyệt đối không vận hành máy móc nông nghiệp sau khi uống rượu, bia và chỉ người lái được điều khiển máy.
- 5 Giảm tốc độ lái khi đi trên dốc hoặc đường ruộng hẹp.
- 6 Không sử dụng dụng cụ làm nông khi trời tối.



Trong trường hợp xảy ra tai nạn khi sử dụng dụng cụ làm nông, hãy gọi 119 hoặc đến bệnh viện gần nhất sau khi tiến hành sơ cứu!

Thông tin an toàn để sống tại Hàn Quốc

Trang phục an toàn khi phun thuốc trừ sâu



09 야외 활동, 안전하게 즐겨요

물놀이 안전수칙



- 한국의 계곡은 수심이 불규칙해서 주의가 필요해요.
- 구명조끼 등 안전장비를 착용하고, 물놀이 전 준비운동을 해요.
- 물의 깊이를 확인하고 센 물살과 파도를 주의해요.

한국 생활을 위한 안전 정보



물놀이 사고 발생하면 이렇게 해요!

- 물놀이 사고가 발생하면 즉시 119에 신고해요.
- 물에 빠졌을 땐 팔을 높이 들고 도움을 청해요.
- 물에 빠진 사람에게서는 튜브 등 물에 뜨는 물체를 던져줘요.



물에 빠진 사람을 구하기 위해 함부로 물에 들어가면 안돼요!

09 Tận hưởng an toàn các hoạt động ngoài trời

Quy tắc an toàn khi bơi lội



- Quý vị cần cẩn thận khi bơi trong thung lũng ở Hàn Quốc do độ sâu nước không đều.
- Sử dụng thiết bị bảo hộ như áo phao cứu sinh và khởi động trước khi bơi.
- Kiểm tra độ sâu của nước và cảnh giác với sóng và các dòng nước mạnh.

Thông tin an toàn để sống tại Hàn Quốc

Hãy hành động như sau khi xảy ra tai nạn!



- Nếu xảy ra tai nạn khi bơi lội, hãy gọi ngay 119.
- Nếu quý vị bị đuối nước, hãy giơ cao tay và kêu gọi người giúp.
- Ném một đồ vật nổi như bánh xe về phía người đuối nước.



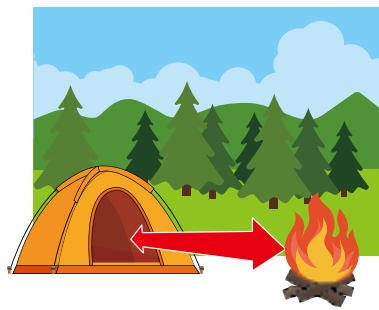
Không nhảy xuống nước nếu không chuẩn bị sẵn sàng để cứu người đuối nước!

등산 안전수칙



- 출발 전 기상 정보를 확인해요.
- 준비운동과 스트레칭으로 몸을 풀어요.
- 출입 금지구역에는 들어가지 않아요.
- 뱀이나 벌집을 발견하면 즉시 안전한 곳으로 대피해요.

캠핑 안전수칙



- 텐트는 불에 타기 쉬운 재질이므로 화기와 안전거리를 충분히 뒹요.
- 정해진 장소에서만 불을 피우고 타다 남은 불씨는 물, 모래, 흙 등으로 완전히 꺼요.
- 비가 오면 즉시 전기 제품을 차단해요.



화재 또는 일산화탄소 중독 방지를 위해 텐트 안에 단독형 화재경보기, 일산화탄소 감지 경보기를 설치하면 좋아요!

한국 생활을 위한 안전 정보



등산 · 캠핑 사고 발생 시 이렇게!

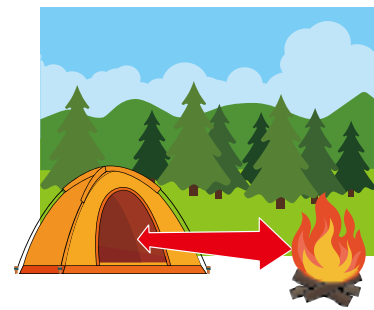
- 등산 및 캠핑 중 사고가 발생하면 즉시 119로 신고해요.
- 발목이 삐었을 때는 냉찜질을 하면서 충분한 휴식을 취해요.
- 사고로 고립된 경우 낙엽이나 솔가지 등으로 체온을 유지해요.

Quy tắc an toàn khi leo núi



- Kiểm tra dự báo thời tiết trước khi xuất phát.
- Thả lỏng cơ thể với bài tập khởi động và giãn cơ.
- Không tiến vào khu vực hạn chế.
- Nếu quý vị vô tình gặp phải rắn hoặc tổ ong, hãy sơ tán ngay đến nơi an toàn.

Quy tắc an toàn khi cắm trại



- Vì lều dễ cháy nên hãy giữ khoảng cách an toàn với ngọn lửa.
- Chỉ nhóm lửa ở khu vực được chỉ định và dập tắt hoàn toàn tro tàn bằng nước, cát hoặc đất.
- Tắt ngay các thiết bị điện nếu trời mưa.



Nên lắp chuông báo cháy hoặc máy phát hiện carbon monoxide độc lập trong lều để phòng cháy hoặc nhiễm độc carbon monoxide.

Thông tin an toàn để sống tại Hàn Quốc



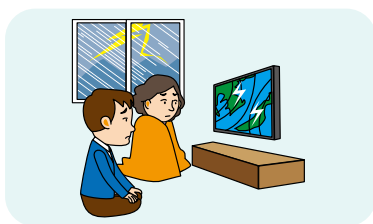
Thực hiện những hành động sau nếu xảy ra tai nạn khi đang đi bộ đường dài hoặc cắm trại!

- Nếu xảy ra tai nạn khi đang đi bộ đường dài hoặc cắm trại, hãy gọi ngay 119.
- Nếu quý vị bị trật mắt cá chân, hãy nghỉ ngơi đầy đủ và chườm lạnh.
- Nếu quý vị bị cô lập do xảy ra tai nạn, hãy dùng lá rụng hoặc cành cây thông để giữ ấm.

자연 재난 ①

10 우리를 위협하는 재난, 미리 대비해요

재난 대비, 이렇게 하세요!

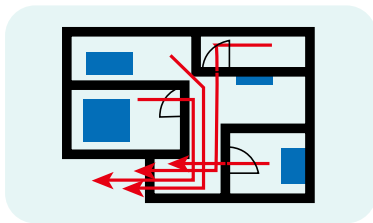


재난정보 청취하기



[QR코드]

TV, 라디오, 국민재난안전포털(www.safekorea.go.kr) 등 정전에 대비해 건전지 또는 충전식 라디오 준비



대피 계획 세우기

집 안 대피경로 점검 및 주변 대피시설 위치 확인



연락 계획 세우기

가족 연락방법 및 대피장소 지정



혼자 사는 경우 자녀, 지인, 사회복지기관 등의 비상연락처를 꼭 기억해요!



[여기서 잠깐!] 안전디딤돌 앱을 아시나요?



한국에서는 안전디딤돌 앱으로 재난 관련 정보를 확인할 수 있어요!

주요 재난정보

재난 신고, 재난 뉴스, 기상정보, 재난 문자 등

재난 대피 정보

비상시 행동요령, 내 주변 대피소 찾기, 병원 약국 정보 등



[앱스토어]



[플레이스토어]

Thiên tai ①

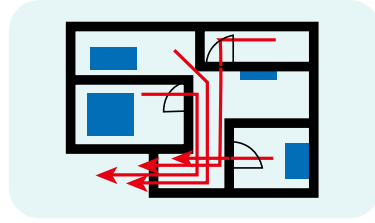
10 Sơ cứu nhanh sẽ cứu tính mạng mọi người

Chuẩn bị sẵn sàng đối phó với thảm họa như sau!



Lắng nghe dự báo thông tin về thảm họa.

"TV, đài phát thanh, Cổng Thông Tin An Toàn Thảm Họa Quốc Gia (www.safekorea.go.kr). Chuẩn bị sẵn đài dùng pin hoặc có thể sạc pin để đề phòng trường hợp mất điện."



Lập kế hoạch sơ tán.

Kiểm tra tuyến đường sơ tán trong nhà và vị trí của các cơ sở sơ tán gần đó.



Lập kế hoạch liên hệ.

Nêu rõ cách liên hệ với một thành viên gia đình và địa điểm sơ tán.



Nếu quý vị sống một mình, hãy nhớ thông tin liên hệ khẩn cấp của mình như con cái, người quen và trung tâm phúc lợi xã hội!



[Chờ một chút!] Quý vị có biết ứng dụng Sẵn Sàng Trong Trường Hợp Khẩn Cấp không?



Quý vị có thể nhận thông tin liên quan đến thảm họa thông qua ứng dụng Sẵn Sàng Trong Trường Hợp Khẩn Cấp tại Hàn Quốc!

Thông tin về thảm họa nghiêm trọng

Báo cáo về thảm họa, tin tức về thảm họa, tin thời tiết, tin nhắn văn bản về thảm họa, v.v.

Thông tin sơ tán trong thảm họa

Kế hoạch hành động trong trường hợp khẩn cấp, tìm chỗ trú ẩn ở gần, thông tin về bệnh viện và dược phẩm, v.v.



[Mã QR]



[Cửa Hàng Ứng Dụng]



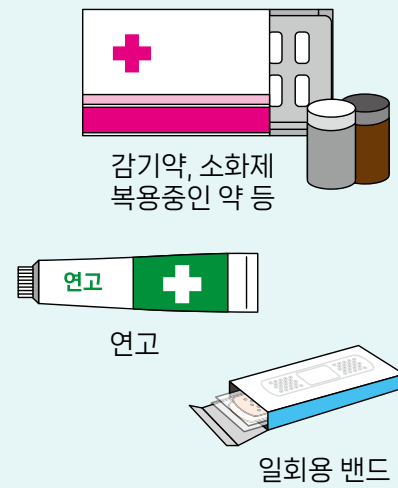
[Play Store]

비상용 가방에는 무엇이 들어가야 할까?

비상식품



구급약품



생활용품



기타

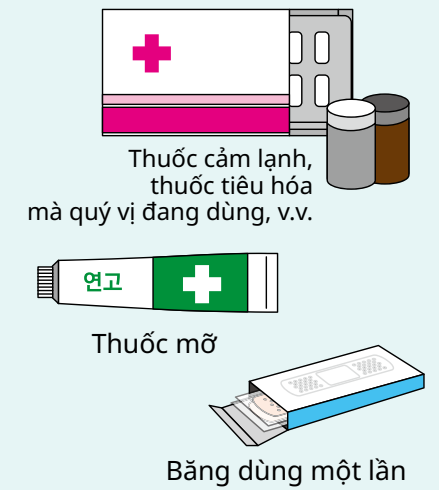


Trong túi khẩn cấp nên có những gì?

Thực phẩm khẩn cấp



Hộp sơ cứu



Đồ gia dụng



Vật dụng khác



비상용 가방은 언제든지 빠르게 가지고 나갈 수 있게 현관문 가까이에 두세요!



Cất túi khẩn cấp ở gần cửa trước để quý vị có thể lấy ra nhanh chóng bất cứ lúc nào!

11 자연 재난, 이렇게 대처해요

기후성 재난

태풍 · 호우

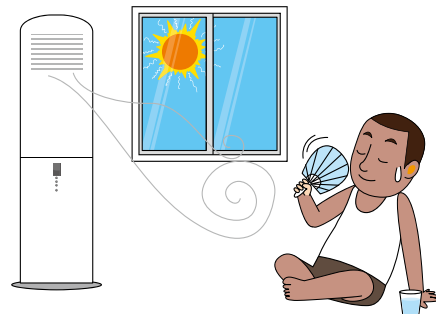


- 한국은 주로 여름과 가을에 태풍과 폭우가 발생해요.
- 문, 창문을 닫고 가능한 멀리 떨어주세요.
- 개울가, 하천 주변, 해안가 등 침수 위험지역은 가지 않아요.
- 집이 침수 및 고립되었다면 안전한 곳으로 대피해요.



대피 시에는 전기와 가스를 꼭 차단하세요!

폭염

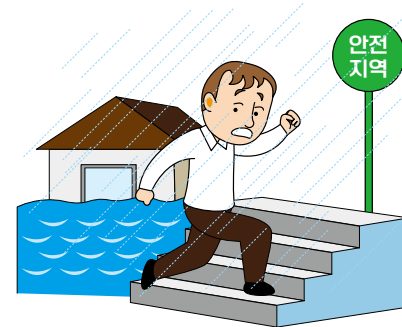


- 한국에서는 최고기온 35도 이상이면 폭염경보, 33도 이상이면 폭염주의보가 발령돼요.
- 폭염경보가 발령되면 가급적 외출을 삼가요.
- 외출 시 챙이 넓은 모자를 착용하고 자외선 차단제를 발라요.
- 현기증, 메스꺼움 등의 증세가 있을 때는 시원한 곳에서 휴식해요.

11 Ứng phó với thiên tai theo cách này

Thảm họa do thời tiết gây ra

Bão lớn/mưa to

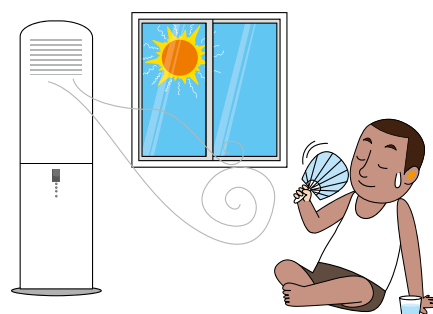


- Bão lớn và mưa to ở Hàn Quốc chủ yếu xảy ra vào mùa hè và mùa thu.
- Đóng cửa và cửa sổ, tránh xa cửa và cửa sổ nhất có thể.
- Không đi đến khu vực có nguy cơ lũ lụt, ví dụ như nhánh sông, bờ sông và khu vực ven biển.
- Nếu nhà quý vị bị ngập hoặc cô lập, hãy sơ tán đến nơi an toàn.



Đảm bảo tắt điện và ga trước khi sơ tán!

Sóng nhiệt



- Tại Hàn Quốc, cảnh báo sóng nhiệt được đưa ra khi nhiệt độ tối đa từ 35 độ trở lên và báo động sóng nhiệt được đưa ra khi nhiệt độ tối đa từ 33 độ trở lên.
- Hạn chế ra ngoài khi có cảnh báo sóng nhiệt.
- Đội mũ rộng vành và bôi kem chống nắng khi ra ngoài.
- Nếu quý vị có triệu chứng như chóng mặt hay buồn nôn, hãy nghỉ ngơi ở nơi mát mẻ.

대설 · 한파



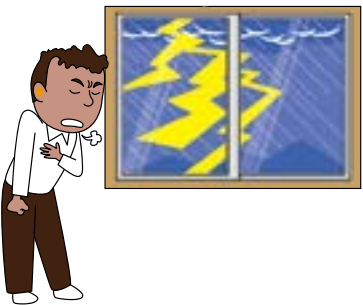
- 기후변화로 한국의 겨울은 추운 날이 많아졌어요.
- 외출 시 모자, 귀마개, 목도리 등을 착용해 몸을 따뜻하게 보호해요.
- 수도계량기, 보일러 배관은 헌 옷 등으로 보온 조치를 해요.
- 장기간 집을 비울 때는 수도물을 약하게 틀어 놔요.

황사



- 한국은 주로 봄철에 황사가 발생해요.
- 황사에는 미세먼지가 섞여 있어 건강을 해칠 수 있어요.
- 황사가 실내로 들어오지 못하게 창문을 닫아요.
- 외부활동을 줄이고 외출할 때는 마스크를 써요.
- 집에 돌아오면 손과 발을 깨끗이 씻어요.

벼락



- 벼락 예보 시엔 밖으로 나가지 않아요.
- 가전제품 플러그를 뽑고 1m 이상 거리를 유지해요.
- 외부에 있을 때는 차 안, 건물 안 등 안전한 곳으로 대피해요.



[여기서 잠깐!] 한파주의보/한파경보, 대설주의보/대설경보의 기준은?

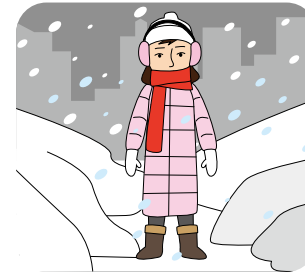
▶ 한파주의보/한파경보 (10월~4월 중 다음에 해당할 경우)

| | |
|-------|---|
| 한파주의보 | <ul style="list-style-type: none"> • 아침 최저기온이 -12℃ 이하로 2일 이상 계속될 때 • 아침 최저기온이 전날보다 10℃ 이상 내려가고(3℃ 이하) 평년보다 3℃ 정도 낮을 때 |
| 한파경보 | <ul style="list-style-type: none"> • 아침 최저기온이 -15℃ 이하로 2일 이상 계속될 때 • 아침 최저기온이 전날보다 15℃ 이상 내려가고(3℃ 이하) 평년보다 3℃ 정도 낮을 때 |

▶ 대설주의보/대설경보 (24시간 동안 내린 눈의 깊이 기준)

- 5cm 이상 예상되면 대설주의보, 20cm 이상(산은 30cm 이상) 예상되면 대설경보

Tuyết rơi nhiều/đợt không khí lạnh



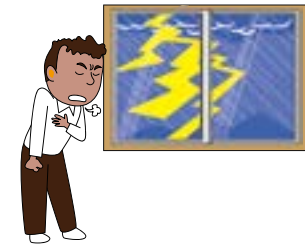
- Số ngày trời lạnh ở Hàn Quốc tăng lên do biến đổi khí hậu.
- Giữ ấm cơ thể khi ra ngoài bằng cách đội mũ, đeo chụp tai, quàng khăn, v.v.
- Giữ ấm công-tơ nước và đường ống nước nóng bằng cách lấy quần áo cũ bọc lại.
- Bật vòi nước ở mức nhỏ khi rời khỏi nhà trong thời gian dài.

Bão cát vàng



- Ở Hàn Quốc, bão cát vàng chủ yếu xảy ra vào mùa xuân.
- Bụi cát vàng có thể gây tổn hại cho sức khỏe của quý vị vì có lẫn bụi mịn.
- Đóng cửa sổ để ngăn bụi cát vàng lọt vào phòng.
- Giảm các hoạt động ngoài trời và đeo mặt nạ khi ra ngoài.
- Rửa tay và chân khi về nhà.

Sét



- Không đi ra đường nếu dự báo có sét.
- Rút điện các thiết bị gia dụng và giữ khoảng cách tối thiểu 1 m.
- Khi ở ngoài đường, hãy sơ tán đến nơi an toàn, ví dụ như trong xe hơi hoặc tòa nhà.



[Chờ một chút!] Tiêu chuẩn báo động/cảnh báo đợt không khí lạnh và báo động/cảnh báo tuyết rơi nhiều là gì?

▶ Cảnh báo đợt không khí lạnh/cảnh báo (từ tháng 10 đến tháng 4)

| | |
|-----------------------------|--|
| Báo động đợt không khí lạnh | <ul style="list-style-type: none"> • Khi nhiệt độ tối thiểu vào buổi sáng dưới -12℃ trong hơn 2 ngày. • Khi nhiệt độ tối thiểu vào buổi sáng thấp hơn 10℃ so với ngày trước đó (3℃ trở xuống) và thấp hơn khoảng 3℃ so với mức trung bình. |
| Cảnh báo đợt không khí lạnh | <ul style="list-style-type: none"> • Khi nhiệt độ tối thiểu vào buổi sáng dưới -15℃ trong hơn 2 ngày. • Khi nhiệt độ tối thiểu vào buổi sáng thấp hơn 15℃ so với ngày trước đó (3℃ trở xuống) và thấp hơn khoảng 3℃ so với mức trung bình. |

▶ Báo động/cảnh báo tuyết rơi nhiều (dựa trên độ sâu của tuyết rơi trong 24 giờ)

- Nếu dự kiến tuyết rơi dày hơn 5 cm thì sẽ có cảnh báo tuyết rơi nhiều. Nếu dự kiến tuyết rơi dày hơn 20 cm (30 cm đối với vùng núi) thì sẽ có cảnh báo tuyết rơi nhiều.

지질성 재난

지진



집에서는 탁자 밑!



건물 밖으로 나갈 때는 계단!



안전한 대피장소는 야외 넓은 곳!



대피장소 도착 후에는 안내에 따라 행동!



지진이 발생하면 머리부터 보호하고 흔들림이 멈춘 후 안전한 곳으로 대피해요!

한국 생활을 위한 안전 정보



지진 발생 후에는 이렇게 대처하세요!

- 부상자가 있다면 즉시 119에 구조를 요청해요.
- 주변 피해 상황에 따라 귀가 여부를 결정하고, 거주지로 돌아간 후 안전에 유의해요.

Thảm họa địa chất

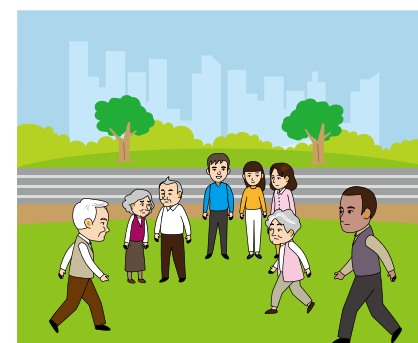
Động đất



Trú dưới bàn ở nhà!



Sử dụng cầu thang bộ để rời khỏi tòa nhà!



Chỗ trú ẩn an toàn là khu vực ngoài trời rộng lớn!



Làm theo hướng dẫn sau khi đến địa điểm sơ tán!



Nếu xảy ra động đất, hãy bảo vệ đầu quý vị trước tiên và sơ tán đến nơi an toàn sau khi dừng rung lắc!

Thông tin an toàn để sống tại Hàn Quốc



Hãy thực hiện những hành động dưới đây sau khi xảy ra động đất!

- Nếu có người bị thương, hãy gọi ngay 119 để được cứu hộ.
- Quyết định quay về nhà, tùy thuộc vào thiệt hại xung quanh, đồng thời chú ý an toàn sau khi quay về nhà.

지진해일

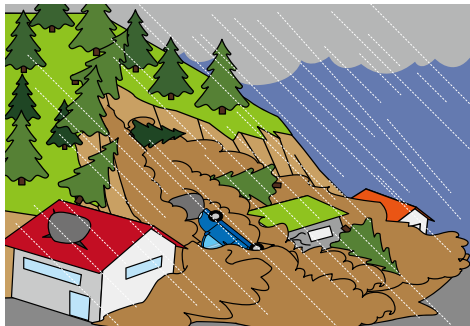


- 한국은 3면이 바다에 둘러싸여 있어 지진해일이 일어날 수 있어요.
- 기상청에서 해일 특보를 발령하거나 시·군·구청 또는 소방서에서 대피명령을 내리면 즉시 대피해요.
- 바닷가에서 강한 지진동을 느끼면 즉시 높은 곳으로 이동해요.
- 먼바다에 있는 배는 항만·포구 등에 정박하고, 가까운 바다에서 조업 중인 배는 수심이 깊은 먼바다 쪽으로 이동해요.



지진해일은 여러 번 반복될 수 있으니 특보가 해제될 때까지 낮은 곳으로 가지 않아요!

산사태



- 한국은 국토의 약 70%가 산으로 되어 있어 폭우, 태풍 등으로 산사태가 발생할 수 있어요.
- 주민 대피명령이 발령되면 반드시 안전한 곳으로 대피해요. (산사태 취약지역에 거주하는 경우 가급적 사전에 대피)

화산폭발



- 한국에는 현재 활동 중인 화산이 없지만, 만일을 위해 화산폭발에 대응하는 방법을 알아둬요.
- 화산이 폭발했을 때는 실내에 머무르며 재난방송을 청취해요.
- 외부에 있을 땐 차나 건물 등으로 신속하게 대피해요.

Sóng thần

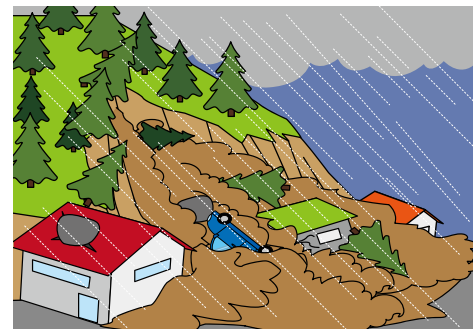


- Ở Hàn Quốc có thể xảy ra sóng thần vì có biển bao bọc ba phía.
- Sơ tán ngay nếu Cơ Quan Khí Tượng Học Hàn Quốc đưa ra cảnh báo sóng thần hoặc sở cứu hỏa hay văn phòng thành phố/gun/gu ban hành lệnh sơ tán.
- Nếu quý vị cảm thấy có động đất mạnh trên bãi biển, hãy di chuyển ngay đến nơi cao hơn.
- Tàu thuyền ở ngoài khơi phải neo đậu tại cảng hoặc bến cảng và tàu thuyền ở gần phải di chuyển về phía biển sâu.



Sóng thần có thể lặp lại nhiều lần. Do đó, không đi đến nơi thấp hơn cho đến khi cảnh báo được hủy bỏ!

Lở đất



- Ở Hàn Quốc có thể xảy ra lở đất do mưa hoặc bão lớn, vì khoảng 70% diện tích đất là đồi núi.
- Khi có lệnh sơ tán người dân được ban hành, hãy đảm bảo là quý vị sơ tán đến nơi an toàn. (Nên sơ tán trước nếu quý vị sống trong khu vực hay lở đất).

Núi lửa phun trào



- Hiện nay không có núi lửa nào hoạt động ở Hàn Quốc. Tuy nhiên, hãy tìm hiểu cách đối phó với tình huống núi lửa phun trào để đề phòng.
- Khi núi lửa phun trào, hãy ở trong nhà và nghe dự báo thảm họa.
- Khi quý vị ở ngoài đường, hãy vào xe hơi hoặc tòa nhà ngay lập tức.

응급처치 ①

12 빠른 응급처치가 생명을 살려요

성인 심폐소생술

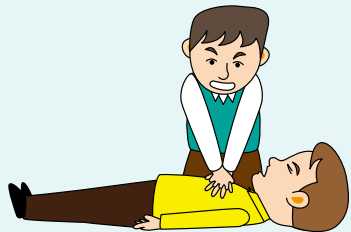
1 반응 확인



2 119 신고 및 자동심장
충격기(AED) 요청



3 가슴압박 30회



4 인공호흡 2회



119 신고 후 휴대전화를 켜 놓은 상태에서 구급대원의 지시에 따라요!



[여기서 잠깐!] 심폐소생술, 왜 해야 할까요?

심정지 후 4분이 지나면 뇌 손상이 일어나기 때문에 즉시 심폐소생술을 해야 소중한 생명을 살릴 수 있어요!

소急救 ①

12 소急救 nhanh sẽ cứu tính mạng mọi người

Về hồi sức tim phổi (CPR)

1 Kiểm tra phản ứng.



2 Gọi 119 và yêu cầu AED
(máy khử rung tim tự động
bên ngoài).



3 Ấn ngực 30 lần.



4 Tiến hành CPR 2 lần.



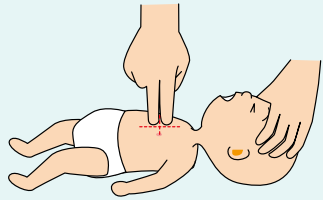
Gọi 119, không gác máy và làm theo hướng dẫn của nhân viên y tế cấp cứu!



[Chờ một chút!] Vì sao cần CPR?

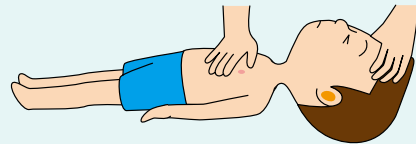
Não sẽ bị tổn thương sau 4 phút kể từ khi ngừng tim, do đó, hãy tiến hành CPR ngay để cứu mạng sống quý giá!

영아·소아 심폐소생술



영아(1개월~만1세)

젖꼭지 연결선 바로 아래의 가슴뼈를 두 손가락으로 압박하기 (깊이 약 4cm)



소아(만1세~만8세)

가슴뼈 아래쪽 1/2 부분을 한 손으로 압박하기 (깊이 4~5cm)

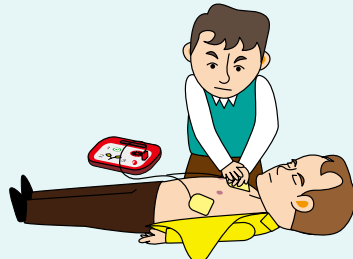
자동심장충격기(AED) 사용법

1 전원켜기



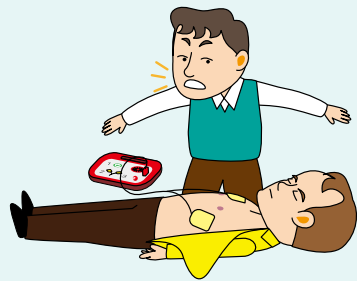
전원을 켜고 안내에 따라 행동하기

2 패드부착



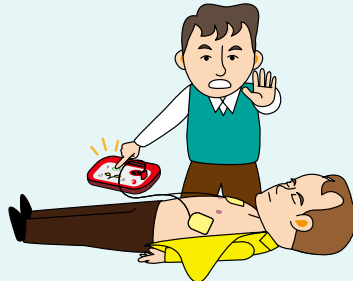
정확한 위치 확인 후 패드 부착

3 심장리듬분석



"모두 물러나세요" 라고 외치고 환자와 접촉하지 않기

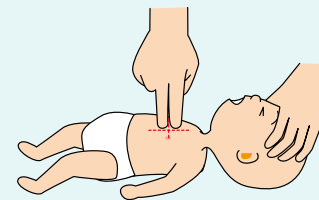
4 심장충격



"모두 물러나세요" 라고 외치고 심장충격 버튼 누르기

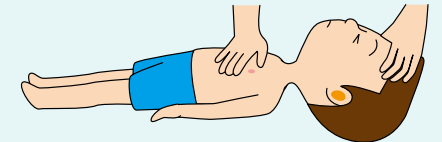
심장충격 후에는 즉시 심폐소생술을 다시 시작해요!

CPR cho trẻ sơ sinh/trẻ em



Trẻ sơ sinh
(1 tháng đến 1 tuổi)

Dùng hai ngón tay ấn xương ức ngay dưới núm vú (sâu khoảng 4 cm).



Trẻ em
(1 đến 8 tuổi)

Dùng một bàn tay ấn nửa dưới xương ức (sâu 4 đến 5 cm).

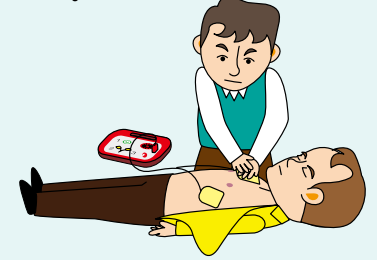
Hướng dẫn sử dụng AED

1 Bật nguồn.



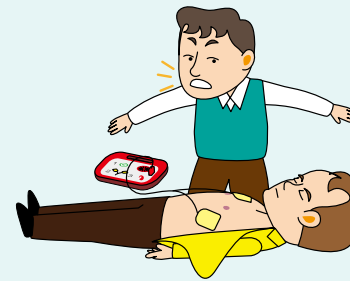
Bật máy và làm theo hướng dẫn.

2 Dán các miếng điện cực.



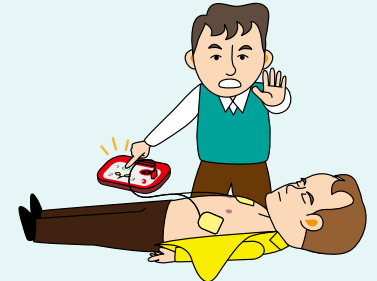
Kiểm tra vị trí chính xác và dán các miếng điện cực.

3 Phân tích nhịp tim.



Hét "Mọi người lùi lại" và tránh tiếp xúc với bệnh nhân.

4 Tiến hành sốc điện.



Hét "Mọi người lùi lại" và nhấn nút AED.

Bắt đầu CPR ngay sau khi tiến hành sốc tim!

성인 이물질에 의한 기도폐쇄의 처치

1 상태 확인 및 119 신고



기도 폐쇄 증상이 보이면
즉시 119에 신고하기

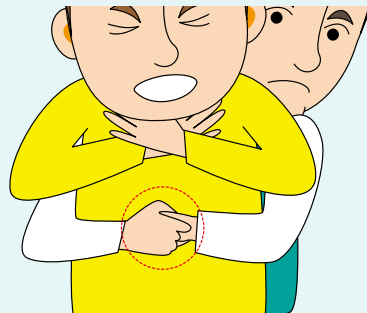
2 기침 유도 및
등 두드리기 (5회)

기침이 가능하면 스스로 뱉어내게
기침 유도, 기침이 어려우면
등을 5번 정도 연속 두드리기

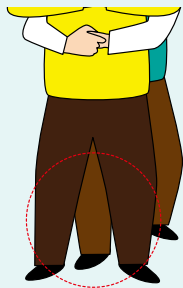
3 복부 밀어내기



주먹 쥔 손을 환자의
배꼽과 명치 중간에 두기



다른 한 손으로 주먹을 감싸기



환자의 다리 사이로 한 발을 넣고,
한 발은 뒤로 뺀어 균형 잡기



배를 안쪽으로 누르며
위쪽으로 5회 압박하기



구급대원이 도착하기 전까지 복부 밀어내기를 반복하고, 환자가 의식이 없을 때는 즉시 심폐소생술을 시도해요!

Cách xử lý khi có ngoại vật chặn đường thở của người lớn

1 Kiểm tra tình trạng và gọi 119.



Gọi ngay 119 nếu có triệu
chứng bị chặn đường thở.

2 Gây ho và vỗ vào lưng (5 lần).

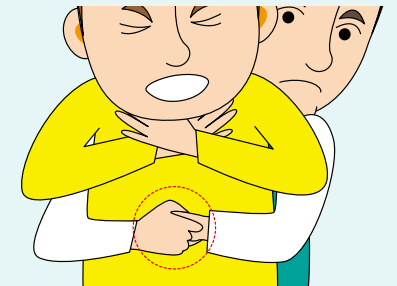


Nếu bệnh nhân có thể ho, hãy để bệnh
nhân tự nhổ ngoại vật ra.
Gây ho cho bệnh nhân. Nếu bệnh nhân
không ho được, hãy vỗ nhẹ lưng 5 lần
liên tiếp.

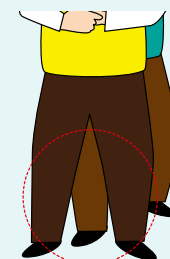
3 Ép bụng.



Đặt bàn tay co lại thành nắm
đấm giữa rốn và lõm thượng
vị.



Lấy bàn tay còn lại bọc lấy nắm
đấm.



Đặt một bàn chân giữa hai chân
của bệnh nhân và duỗi bàn chân
còn lại về phía sau để giữ thẳng
bằng.



Ấn vào bụng bệnh nhân hướng
vào trong và ấn lên trên 5 lần.



Tiếp tục ép bụng cho đến khi nhân viên y tế cấp cứu có mặt.
Nếu bệnh nhân bất tỉnh, hãy thử ngay CPR!

영아 이물질에 의한 기도폐쇄의 처치

1 상태 확인 및 119 신고



신 울음소리 또는 청색증이 보이면
즉시 119에 신고하기

2 등 두드리기 (5회)



턱과 뒤통수를 감싸고
천천히 안아 올리기



머리가 아래를 향하도록 엎드려 놓고,
손바닥으로 등 중앙을 5회 두드리기

3 가슴압박 (5회)



머리가 아래를 향하게 바로 눕히기



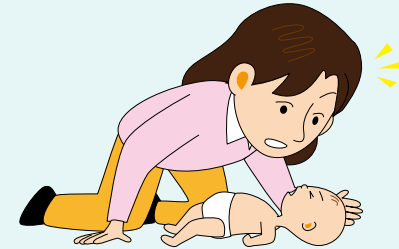
두 개의 손가락으로 5회 가슴압박하기
(양쪽 젖꼭지 중앙 바로 아래 부위)



구급대원이 도착하기 전까지 등 두드리기와 가슴압박을 반복하고,
환자가 의식이 없을 때는 즉시 심폐소생술을 시도해요!

Cách xử lý khi có ngoại vật chặn đường thở của trẻ sơ sinh

1 Tingnan ang kondisyon at tumawag sa 119.



Gọi 119 ngay nếu trẻ sơ sinh khóc ré lên
hoặc có triệu chứng xanh tím.

2 Vỗ lưng (5 lần).



Vòng cánh tay qua cằm và gáy rồi
nâng lên nhẹ nhàng.



Đặt trẻ nằm sấp xuống và dùng lòng
bàn tay vỗ vào giữa lưng 5 lần.

3 Ấn ngực (5 lần).



Đặt trẻ nằm sấp xuống



Dùng hai ngón tay ấn ngực 5 lần.
(Ngay bên dưới chỗ giữa hai núm vú)

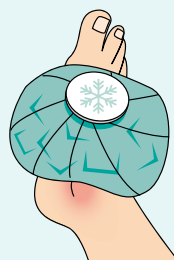


Tiếp tục vỗ lưng và ấn ngực cho đến khi nhân viên y tế cấp cứu
có mặt. Nếu bệnh nhân bất tỉnh, hãy thử ngay CPR!

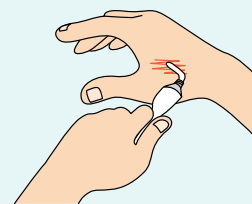
응급처치 ②

13 상황별 응급처치법을 알아보아요

상처



타박상(맞거나 부딪쳐 생긴 상처)에는
24시간 내엔 냉찜질을,
48시간 이후엔 온찜질을 합니다.



찰과상(긁힌 상처)에는
항생제 연고를 바릅니다.



[여기서 잠깐!] 상처로 인해 출혈이 생겼을 때

직접압박
상처를 깨끗한 천으로
덮고 누르기

상처보호
붕대로 상처부위
감싸기

심장보다 높게
상처 부위를 심장 보다
높게 올리기

화상

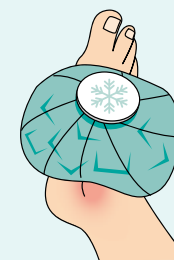


- 화상 부위를 흐르는 찬물로 20분 이상 식혀줘요.
- 화상 부위에 생긴 물집은 터트리지 않아요.
- 오염된 물건이 상처 부위에 접촉하지 않게 해요.
(로션, 된장, 간장, 소주 등 절대로 바르지 않음)

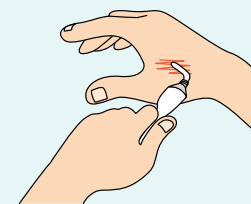
소急救 ②

13 Tìm hiểu cách sơ cứu trong mỗi tình huống

Vết thương



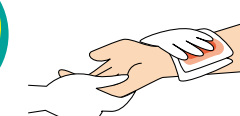
Đối với vết bầm (vết thương do bị va
chạm hoặc đập mạnh),
hãy chườm lạnh trong vòng 24 giờ
và chườm nóng sau 48 giờ.



Đối với vết trầy da (vết xước),
hãy bôi thuốc mỡ kháng sinh.



[Chờ một chút!] Chảy máu từ vết thương



**Đè thẳng lên vết
thương**
Dùng vải sạch che
lên vết thương và ấn
xuống.



Bảo vệ vết thương
Dùng băng để che vết
thương.



Phía trên tim
Nâng vết thương phía
trên tim.

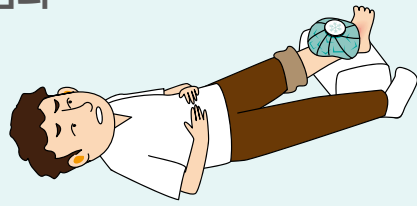
Bỏng



- Làm mát vùng bị bỏng bằng nước vòi lạnh
trong ít nhất 20 phút.
- Không chọc thủng vết phỏng nước trên
vùng bị bỏng.
- Không để các vật nhiễm bẩn chạm vào vết
thương.
(Tuyệt đối không bôi sữa dưỡng, tương cô
đặc, xì dầu, rượu soju, v.v. lên vết thương)

염좌(뺨) / 골절

염좌



얼음찜질로 부기를 빼고
다친 부위를 심장보다 높이 올려요.

골절



뼈가 뚫고 나왔다면 소독 거즈 등으로
상처 부위를 덮은 후 붕대로 감아줘요.

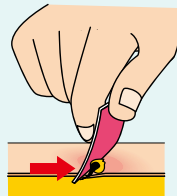
벌 쏘임

벌침이 없는 경우

1. 벌에 쏘인 환자를 안정시켜요.
2. 두통, 어지럼증, 복통, 호흡곤란 등의 과민성 쇼크(아나필락시스)로 진행되는지 환자의 상태를 확인하고, 증상이 보이면 119에 신고하여 병원으로 이송해요.
3. 증상이 없다면, 쏘인 부분을 소독하고 병원에 가요.

벌침이 있는 경우

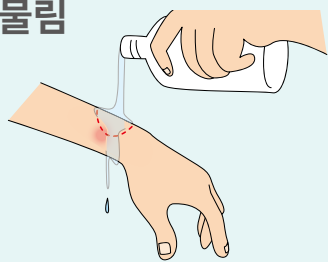
1. 검은 점처럼 보이는 벌침을 찾아요.
2. 카드를 이용해 피부를 긁어내듯 침을 제거해요.
3. 얼음찜질로 통증과 부기를 가라앉혀요.



핀셋, 손가락으로 침을 제거하면 벌침 안에 남아있는 독이 몸에 퍼질 수 있어요!

동물 물림 / 뱀 물림

동물 물림



안전한 곳으로 이동해
상처부위를 소독하고 병원에 가요.

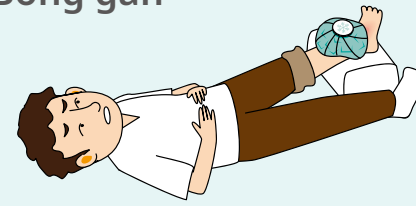
뱀 물림



물린 부위를 부목으로 고정하고
심장보다 낮게 위치시킨 후 병원에 가요.

Bong gân/Gãy xương

Bong gân



Làm tiêu sưng bằng túi chườm
đá và nâng cao vùng bị thương
phía trên tim.

Gãy xương



Nếu xương bị lòi ra, hãy dùng gạc
tiệt trùng che lên vết thương và
dùng băng bọc lại.

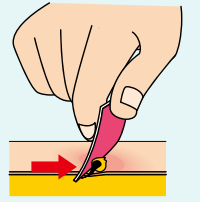
Bị ong đốt

Nếu không có ngòi

1. Xoa dịu bệnh nhân bị ong đốt để họ bình tĩnh.
2. Kiểm tra tình trạng của bệnh nhân để xem bệnh nhân có triệu chứng sốc phản vệ (quá mẫn) hay không, ví dụ như đau đầu, chóng mặt, đau vùng bụng hoặc khó thở.
3. Nếu không có triệu chứng, hãy khử trùng vết đốt và đến bệnh viện.

Nếu có ngòi

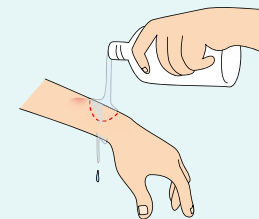
1. Tìm kiếm ngòi ong, trông giống như một chấm đen.
2. Dùng thẻ rút ngòi ong ra, giống như cạo da.
3. Dùng túi chườm đá làm dịu cơn đau và tiêu sưng.



Kung tatanggalin mo ang kagat ng bubuyog gamit ang tyane o mga daliri mo, maaaring kumalat ang lasong natira sa kagat ng bubuyog sa buong katawan!

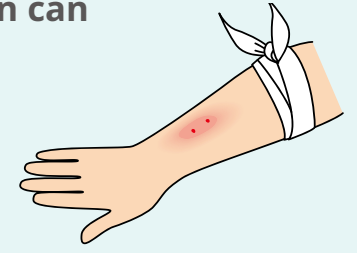
Bị động vật/rắn cắn

Động vật cắn



Di chuyển đến nơi an toàn,
khử trùng vết thương
và đến bệnh viện.

Rắn cắn



Cố định vùng bị cắn bằng thanh
nẹp, đặt phía dưới tim và đến bệnh
viện.

심뇌혈관 질환

뇌졸중



징후

입이 돌아가거나 한쪽 팔, 다리에 힘이 빠지고 갑자기 말이 어눌해지며 의식이 저하됨

대응행동

- 경련하는 경우 몸을 옆으로 돌려줘요.
- 의식이 저하된 환자에게 물이나 음식을 먹이지 않아요.
- 토하면 고개를 옆으로 돌려줘요.
- 119에 신고해 빠르게 병원에 가요.

심근경색증



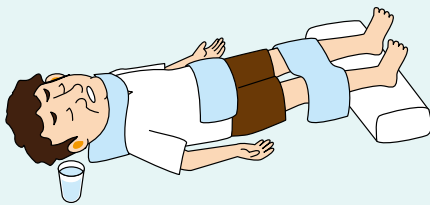
징후

가슴 통증(흉통)과 식은땀, 어지러움, 호흡곤란, 어깨나 양쪽 팔, 목의 통증

대응행동

환자를 편안한 자세로 안정시키고 119에 신고해 빠르게 병원에 가요.

온열 질환 (탈수, 열경련, 열탈진, 열사병 등)



- 얼음찜질로 체온을 내리고, 차가운 물 또는 이온음료를 마셔요.
- 구토, 고열, 정신이상 등의 증세가 보이면 즉시 119에 신고해요.
- 환자가 의식이 없고 호흡이 없다면 즉시 심폐소생술을 시행해요.



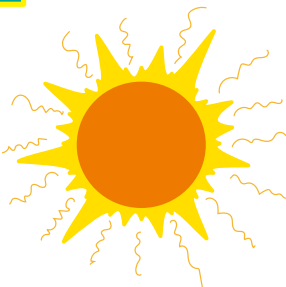
[여기서 잠깐!] 일사병과 열사병이 차이는?

일사병이란?

높은 온도에 오랫동안 노출돼 체온이 상승하고 수분이 부족해져 생기는 질병(맥박이 약하고 피부는 차가움)

열사병이란?

높은 온도와 습한 환경이 오래 이어질 때 열을 내보내지 못해 발생하는 질병(맥박이 빠르고, 피부는 뜨겁고 건조함)



Bệnh tim-mạch máu não

Đột quỵ



Triệu chứng

Méo miệng, mất sức một cánh tay hoặc chân, đột ngột nói không rõ và ý thức suy giảm.

Biện pháp đối phó

- Nếu bệnh nhân bị co giật, hãy đặt họ nằm nghiêng.
- Không cho bệnh nhân bất tỉnh ăn hoặc uống.
- Nếu bệnh nhân nôn mửa, hãy xoay đầu sang bên.
- Gọi 119 và nhanh chóng đưa đến bệnh viện.

Nhồi máu cơ tim



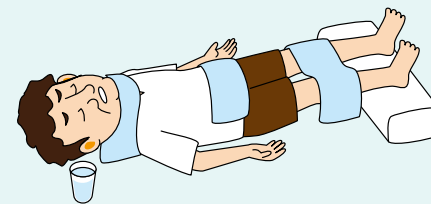
Triệu chứng

Đau ngực và đổ mồ hôi lạnh, chóng mặt, khó thở, đau vai, cánh tay và cổ

Biện pháp đối phó

Ổn định bệnh nhân ở tư thế thoải mái và gọi 119 để nhanh chóng đưa đến bệnh viện.

Bệnh do nhiệt (mất nước, chuột rút do nhiệt, kiệt sức vì nóng, sốc nhiệt, v.v.)



- Hạ thân nhiệt bằng túi chườm đá và uống nước lạnh hoặc đồ uống điện giải.
- Nếu bệnh nhân có triệu chứng nôn mửa, sốt cao hoặc mất trí, hãy gọi ngay 119.
- Nếu bệnh nhân bất tỉnh và không thở, hãy tiến hành CPR ngay.



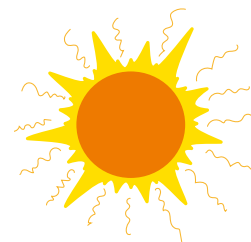
[Chờ một chút!] Đây là điểm khác biệt giữa say nắng và sốc nhiệt?

Say nắng là gì?

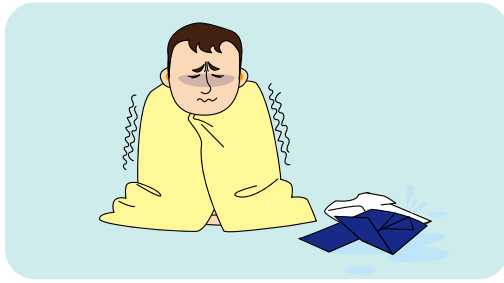
Bệnh do thân nhiệt tăng lên và không đủ độ ẩm do tiếp xúc với nhiệt độ cao trong thời gian dài (mạch yếu và da lạnh).

Sốc nhiệt là gì?

Bệnh do không thể tản nhiệt khi tiếp xúc với môi trường có nhiệt độ và độ ẩm cao trong thời gian dài (mạch nhanh, da nóng và khô).



한랭 질환(동상, 저체온증 등)



- 환자를 따뜻한 곳으로 옮긴 후 옷이 젖었다면 벗기고, 담요로 몸 전체를 감싸요.
- 따뜻한 물에 동상 부위를 20~40분간 담근 후, 소독된 마른 거즈를 발가락, 손가락 사이에 끼워요.
- 환자가 의식이 없으면 즉시 심폐소생술을 시행해요.



한랭질환은 젖은 옷과 양말 등을 오랜 시간 착용했을 때 주로 발생할 수 있으니 주의해요!

약물 오남용



- 건강기능식품을 구입하기 전에 의사와 충분히 상의해요.
- 약물 복용 후 구토, 메스꺼움, 설사 등 이상 징후가 발생하면 즉시 복용한 약물을 가지고 병원으로 가요.

농약 중독



- 농약 중독이 의심되면 즉시 119에 전화하고 구급대원의 지시를 따라요.
- 병원에 갈 때 농약이 피부에 묻지 않게 주의 하며 약병을 가져가요.
- 농약이 피부에 묻었을 때에는 오염된 옷을 벗고 흐르는 물로 몸을 깨끗이 씻어요.

한국 생활을 위한 안전 정보



즉시 119에 연락해야 하는 응급상황은?

기도폐쇄, 마비, 호흡곤란, 중독, 물에 빠졌을 때, 심장마비, 심한 화상, 심장질환 또는 가슴통증, 전기 손상, 의식이 없는 경우, 자살 기도, 심한 출혈, 분만, 척추 손상이 의심되는 경우, 경련 등

Bệnh do lạnh (tê cóng, giảm nhiệt, v.v.)



- Đưa bệnh nhân đến nơi ấm áp và dùng chăn bọc cơ thể sau khi cởi quần áo ướt nếu quần áo bị ướt.
- Ngâm vùng bị tê cóng trong nước nóng trong 20 đến 40 phút, chèn miếng gạc khô và tiệt trùng giữa các ngón tay và ngón chân.
- Nếu bệnh nhân bất tỉnh, hãy tiến hành CPR ngay.



Hãy nhớ là bệnh do lạnh chủ yếu có thể xảy ra khi mặc quần áo và tắm ướt trong thời gian dài!

Lạm dụng thuốc



- Hỏi ý kiến bác sĩ trước khi mua thực phẩm chức năng.
- Nếu quý vị có bất kỳ triệu chứng bất thường nào như nôn mửa, buồn nôn hoặc tiêu chảy sau khi dùng thuốc, hãy đến ngay bệnh viện và mang theo thuốc đã dùng.

Nhiễm độc thuốc trừ sâu



- Nếu nghi ngờ bị nhiễm độc thuốc trừ sâu, hãy gọi ngay 119 và làm theo hướng dẫn của nhân viên y tế cấp cứu.
- Khi đến bệnh viện, hãy mang theo chai thuốc trừ sâu và chú ý không để thuốc dính vào da.
- Nếu da của quý vị bị dính thuốc trừ sâu, hãy cởi quần áo bị dính thuốc và tắm kỹ dưới vòi nước chảy.

Thông tin an toàn để sống tại Hàn Quốc



Quý vị phải gọi ngay 119 trong trường hợp khẩn cấp nào?

Bị chặn đường thở, liệt, khó thở, nhiễm độc, đuối nước, đau tim, bông nặng, bệnh tim hoặc đau ngực, tổn thương do điện, bất tỉnh, cổ tự tử, chảy máu nghiêm trọng, sinh con, nghi ngờ tổn thương cột sống, co giật, v.v.

14 위급할 때 필요한 긴급 정보를 알아보아요

긴급 신고 전화번호

| 접수내용 | 관련기관 | 전화번호 |
|-----------------------------|-----------------|------|
| 화재·구조·구급·재난신고 응급의료·병원 정보 | 소방청 | 119 |
| 범죄신고 | 경찰청 | 112 |
| 감염병 신고·질병 정보 제공 | 질병관리청 | 1339 |
| 학교폭력 예방교육 및 전화·문자 상담 | 교육부, 여성가족부, 경찰청 | 117 |

다누리 콜센터(대표번호 1577-1366)

| 내용 | 문의처 |
|--|---|
| - 국내 거주 다문화 가정에게 한국 생활 정보제공, 위기상담 및 긴급 지원, 생활통역과 3자 통화 서비스 등을 13개국 언어로 지원 | ▶중앙센터: 1577-1366 (www.liveinkorea.kr) ▶지역센터 경기수원: 031-257-1841 대전: 042-488-2979 광주: 062-366-1366 부산: 051-508-1366 경북구미: 054-457-1366 전북전주: 063-237-1366 |
| 한국어, 베트남어, 중국어, 영어, 타갈로그(필리핀)어, 몽골어, 러시아어, 태국어, 크메르(캄보디아)어, 일본어, 우즈베키스탄어, 라오스어, 네팔어 | |

한국 생활을 위한 안전 정보

응급 상황에 필요한 한국어 표현 익히기

- 도와주세요.
- 급해요!
- 불이야! 119에 신고해 주세요.
- 가까운 경찰서가 어디예요?
- 가까운 (병원/약국)이 어디예요?
- 구급차를 불러 주세요.
- 병원에 데려가 주세요.
- 여권을 잃어버렸어요.
- 어디에서 도움을 받을 수 있어요?

14 Tìm thông tin liên hệ khẩn cấp trong trường hợp khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp

| Vấn đề cần thông báo | Tổ chức có liên quan | Số điện thoại |
|---|---|---------------|
| Cứu hỏa/Cứu hộ/Cấp cứu/Thảm họa Thông tin về bệnh viện/chăm sóc y tế cấp cứu | Cơ Quan Cứu Hỏa Quốc Gia | 119 |
| Tội phạm | Cơ Quan Cảnh Sát Quốc Gia | 112 |
| Thông tin về bệnh và bệnh truyền nhiễm | Cơ Quan Kiểm Soát và Phòng Ngừa Dịch Bệnh Hàn Quốc | 1339 |
| Giáo dục phòng ngừa bạo lực học đường và tư vấn qua điện thoại/tin nhắn | Bộ Giáo Dục, Bộ Bình Đẳng Giới và Gia Đình, Cơ Quan Cảnh Sát Quốc Gia | 117 |

Tổng Đài Danuri (số người đại diện) 1577-1366

| Thông tin chi tiết về dịch vụ | Cung cấp thông tin |
|---|--|
| - Cung cấp thông tin về cuộc sống ở Hàn Quốc cho các gia đình đa văn hóa cư trú tại Hàn Quốc, tư vấn khủng hoảng và hỗ trợ trong trường hợp khẩn cấp, giải thích về đời sống hàng ngày và dịch vụ cuộc gọi ba chiều bằng 13 ngôn ngữ. Tiếng Hàn, tiếng Việt, tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Tagalog (Philippines), tiếng Mông Cổ, tiếng Nga, tiếng Thái, tiếng Khmer (Campuchia), tiếng Nhật, tiếng Uzbek, tiếng Lào, tiếng Nepal | ▶Trung tâm chính: 1577-1366 (www.liveinkorea.kr) ▶Trung tâm khu vực Gyeonggi Suwon : 031-257-1841 Daejeon: 042-488-2979 Gwangju: 062-366-1366 Busan: 051-508-1366 Gyeongbuk Gumi : 054-457-1366 Jeonbuk Jeonju : 063-237-1366 |

Thông tin an toàn để sống tại Hàn Quốc

Học các từ tiếng Hàn cần thiết trong trường hợp khẩn cấp

- Giúp tôi với.
- Cấp cứu!
- Cháy! Làm ơn gọi 119.
- Đồn cảnh sát gần nhất ở đâu?
- (Bệnh viện/nhà thuốc) gần nhất ở đâu?
- Làm ơn gọi xe cứu thương.
- Làm ơn đưa tôi đến bệnh viện.
- Tôi bị mất hộ chiếu.
- Tôi có thể nhờ trợ giúp ở đâu?



Danh sách kiểm tra triệu chứng

증상별 점검표

Cuộc sống an toàn tại Hàn Quốc với Cơ Quan Cứu Hỏa Quốc Gia

Đánh dấu các triệu chứng khi quý vị bị ốm và mang đến bệnh viện, xe cứu thương hoặc nhà thuốc.

| Trình tự | Triệu chứng | Tiếng Anh | Tiếng Trung | Tiếng Philippines | Tiếng Việt | Tiếng Thái | Tiếng Uzbek |
|----------|-------------|---|-------------|--------------------------|---------------------------|----------------|------------------------------|
| 1 | 두통 | <input type="checkbox"/> Headache | 头痛 | Sakit ng ulo | Đau đầu | ปวดศีรษะ | Bosh og'rig'i |
| 1-1 | 고열 | <input type="checkbox"/> Fever | 高烧 | Lagnat | Sốt cao | ตัวร้อนมีไข้ | Isitma |
| 1-2 | 전신쇠약 | <input type="checkbox"/> Weakness | 全身无力 | Kahinaan | Suy nhược cơ thể | อ่อนเพลีย | Zaiflik |
| 1-3 | 어지럼증 | <input type="checkbox"/> Dizziness | 头晕 | Pagkahilo | Chóng mặt | เวียนศีรษะ | Bosh aylanishi |
| 1-4 | 경련/발작 | <input type="checkbox"/> Convulsion | 痉挛 | Pangingsay | Động kinh/ Co giật | ลมชัก | Konvulsiya |
| 1-5 | 마비 | <input type="checkbox"/> Paralysis | 麻痹 | Paralisis | Liệt | ชา | Falaj |
| 1-6 | 오심(구역질) | <input type="checkbox"/> Nausea | 恶心(反胃) | Pagduduwal | Nôn nao (Buồn nôn) | คลื่นไส้ | Ko'ngil aynishi |
| 1-7 | 구토 | <input type="checkbox"/> Vomiting | 呕吐 | Pagsusuka | Nôn mửa | อาเจียน | Kusish |
| 2 | 복통 | <input type="checkbox"/> Stomachache | 腹痛 | Sakit sa tiyan | Đau bụng | ปวดท้อง | Qorin og'rig'i |
| 2-1 | 설사 | <input type="checkbox"/> Diarrhea | 腹泻 | Pagtatae | Tiêu chảy | ท้องเสีย | Diareya |
| 2-2 | 흑색변 | <input type="checkbox"/> Melena | 黑粪 | Melena | Phân đen | อุจจาระสีดำ | Melena |
| 2-3 | 혈변 | <input type="checkbox"/> Hematochezia | 便血 | Hematochezia | Phân có máu | อุจจาระปนเลือด | Gematoxeziya |
| 2-4 | 오심(구역질) | <input type="checkbox"/> Nausea | 恶心(反胃) | Pagduduwal | Nôn nao (Buồn nôn) | คลื่นไส้ | Ko'ngil aynishi |
| 2-5 | 구토 | <input type="checkbox"/> Vomiting | 呕吐 | Pagsusuka | Nôn mửa | อาเจียน | Kusish |
| 3 | 가슴통증 | <input type="checkbox"/> Chest pain | 胸痛 | Pananakit ng dibdib | Đau ngực | เจ็บหน้าอก | Ko'krak og'rig'i |
| 3-1 | 호흡곤란 | <input type="checkbox"/> Shortness of breath | 呼吸困难 | Kapos sa paghinga | Khó thở | หายใจลำบาก | Nafas qisilishi |
| 3-2 | 두근거림 | <input type="checkbox"/> Palpitation | 心悸 | Palpitasyon | Tim đập nhanh | ใจสั่น | Yurakurishi |
| 4 | 외상 | <input type="checkbox"/> External injury | 外伤 | Panlabas na pinsala | Vết thương ngoài | บาดแผลภายนอก | Tashqi shikastlanish |
| 4-1 | 염좌(뱀) | <input type="checkbox"/> Sprain | 扭伤 | Pilay | Bong gân (trắc chân/ tay) | แพลง (เคล็ด) | Burilish |
| 4-2 | 골절 | <input type="checkbox"/> Fracture | 骨折 | Bali | Gãy xương | กระดูกแตกหัก | Sinish |
| 4-3 | 화상 | <input type="checkbox"/> Burn | 烧伤 | Nasusunog na sugat | Bỏng | แผลลวกไหม้ | Kuyish |
| Trình tự | Thuốc | Tiếng Anh | Tiếng Trung | Tiếng Philippines | Tiếng Việt | Tiếng Thái | Tiếng Uzbek |
| 1 | 소화제 | <input type="checkbox"/> Digestive medicine | 消化药 | Gamot sa hindi natunawan | Thuốc tiêu hóa | ยาช่วยย่อย | Ovqat hazm qilish vositalari |
| 2 | 해열제 | <input type="checkbox"/> Fever reducer | 退烧药 | Pampababa ng lagnat | Thuốc hạ sốt | ยาลดไข้ | Haroratni pasaytiruvchi |
| 3 | 설사약 | <input type="checkbox"/> Anti-diarrhea medicine | 止泻药 | Gamot sa pagtatae | Thuốc tiêu chảy | ยาแก้ท้องเสีย | Diareyaga qarshi dori |



- ☐ Nhà thuốc (bệnh viện) gần nhất ở đâu?
- ☐ Tôi đang mang thai.
- ☐ Gọi xe cứu thương đi.
- ☐ Tôi bị dị ứng thuốc.



기획 및 검수 취약계층 소방안전교재 자문단

- 경기 시흥소방서 이재훈
- 세종 세종소방서 현명환
- 경기 가평소방서 양정진
- 대전 유성소방서 서빛나리
- 경남 통영소방서 이승우
- 경남 통영소방서 이유진
- 광주 북부소방서 장시환
- 광주 광산소방서 왕경선
- 세종 조치원소방서 오동양

발행주

행행소

일처소

2023년 1월
소방청 화재예방국 생활안전과
세종특별시 정부2청사로 13
· 전화 (044) 205-7666

디자인·편집

(주)플라잉피그
· 전화 (032) 270-6543

* 이 책자의 내용은 관련 법규나 제도 등의 변경에 따라 달라질 수 있습니다.
* 이 책자에 게재된 내용을 전제 또는 역재할 때에는 소방청의 사전 허락을 받아야 합니다.



119 안전교육